CÔNG TY LUẬT FDVN

TỔNG HỢP 06 BẢN ÁN

YÊU CẦU HUỶ QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

FDVN LAWFIRM

TỔNG HỢP BỞI LUẬT SƯ FDVN

Email: fdvnlawfirm@gmail.com

Web: fdvn.vn --- fdvnlawfirm.vn --- diendannghelaut.vn

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

MỤC LỤC

TỔNG HỢP 06 BẢN ÁN YÊU CẦU HUỶ QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	**Bản án số: 759/2023/HC-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023 Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** **Nội dung:** Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B (sau đây gọi tắt là HTX B) là đơn vị được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thuộc xã Thiện T và xã T, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -60m có trữ lượng khai thác là 10.804.819m3 . Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản số 691/GP-UBND để thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -80m có trữ lượng khai thác là 14.343.819m3 . Từ khi được cấp phép khai thác khoáng sản đến năm 2021, HTX B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai với số tiền đã nộp là 37.129.081.604 đồng. Đến năm 2022, Hợp tác xã B nhận được văn bản số 1812/STNMT-TNN,KS&BDKH ngày 25/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Thạnh P 3, theo đó xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 là 58.947.302.992 đồng, số tiền phải nộp từ năm 2014 đến năm 2021 là 49.349.661.784 đồng (trong đó phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng) và số tiền nộp năm 2022 là 5.332.022.893 đồng. Gửi kèm theo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường là Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/4/2022, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp tiền số 38/TB-CTDON.QLHKDCN&TK yêu cầu HTX B phải nộp số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành thông báo. Cho rằng việc ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thể hiện tại Điều 1 của Quyết định này là không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nên HTX B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên. **Toà án cấp sơ thẩm tuyên:** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B, hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.	1-11

Toà án cấp phúc thẩm nhận định:

- Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không phải là văn bản quy phạm pháp luật, thuộc loại văn bản hướng dẫn mang giá trị tham khảo; việc tính toán tiền cấp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 phải vận dụng đúng các quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên. Ngày 29/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Khoáng sản. Ngày 16/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì mới xuất hiện công thức tính mới là: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản = Giá tính thuế tài nguyên x Hệ số nở rời; và tại Điều 8 của Thông tư này quy định về hiệu lực thi hành như sau: "Các Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kể từ ngày Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này".

Như vậy, HTX B được cấp giấy phép khai thác số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013 và đã nộp đủ tiền khai thác khoáng sản theo Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai từ khi được cấp phép năm 2013 đến năm 2017 theo đúng quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, UBND tỉnh Đồng Nai vận dụng công thức tính tiền khai thác khoáng sản theo Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để ban hành Quyết định 693/QĐ-UB ngày 18/3/2022 về việc tính lại tiền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 đối với HTX B trong khi HTX B đã hoàn tất quyết toán thuế, chi phí doanh nghiệp trong những năm này là không phù hợp.

- UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:12 để lấy hệ số nở rời và thêm vào công thức tính quy định tại Điều 11 của Nghị định 9 số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, qua xem xét, đối chiếu quy định tại Nghị định này và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đều không có điều luật nào dẫn chiếu đến Tiêu chuẩn Quốc gia trên. Trong khi đó tại Điều 1 của Tiêu chuẩn quy định về phạm vi áp dụng tiêu chuẩn là: "khi thi công và nghiệm thu công tác đất…khi lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công cũng như khi thiết kế công trình đất phải tuân thủ những quy định của quy chuẩn này" mà không quy định phải áp dụng tiêu chuẩn cho việc "tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản". Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn trên là không đúng đối tượng.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Nghị định số 67/2019/NĐCP ngày 31/7/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2019 để tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2013 đến nay cho Hợp tác xã B. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định trên quy

	định: "Đối với Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khoáng sản đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật sẽ tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được ban hành. Trường hợp có sự điều chỉnh Giấy phép khai thác thì Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được áp dụng theo quy định của Nghị định này" và khoản 2 Điều 15 quy định: "Trường hợp các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định Nghị định này làm cho tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cao hơn khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP". HTX B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND vào ngày 22/10/2013. Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép số 691/GP-UBND cho phép HTX B "bổ sung trữ lượng từ cote -60 đến cote -80 là 3.539.000m3, thời gian khai thác đến ngày 18/01/2037". Sau đó, UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 2550/QĐ-UBND ngày 26/8/2015, Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 08/3/2018. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị định nêu trên thì UBND tỉnh Đồng Nai không được tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho HTX B. **Toà án cấp phúc thẩm tuyên:** Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B; hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật	
2	**Bản án số: 452/2023/HC-PT ngày: 23/06/2023 Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** **Nội dung:** - Vào ngày 23/12/2021 Công an huyện Đông Hải kết hợp với chính quyền địa phương xã Long Điền, huyện Đông Hải kiểm tra, phát hiện ông Trần Minh Quân thuê các ông Bùi Văn L nh, Trần Trọng Tâm, Nguyễn Hoài Giang, Nguyễn Hữu Nghị th c hiện hành vi khai thác khoáng sản đất mặt trái phép tại ấp Rạch Rắn, xã Long Điền, huyện Đông Hải bằng 03 xe tải vận chuyển, ngày 24/12/2021 thì Công an huyện Đông Hải lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân có hành vi khai thác khoáng sản đất 27m3 , vi phạm điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020. Ngày 24/01/2022 thì Chủ tịch UBND huyện Đông Hải ban hành quyết định số 313/QĐ-XPHC, đến ngày 13/5/2022 thì Chủ tịch UBND huyện Đông Hải ban hành quyết định số 2026/QĐ-HBXPVPHC, hủy bỏ quyết định số 313/QĐ-XPHC ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Hải (vì cho rằng không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện Đông Hải, mà thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh). Nên ngày 24/5/2022, Chủ tịch UBND huyện Đông Hải có tờ trình số 85/TTr gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, ngày 02/7/2022 thì Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 1008/QĐXPVPHC xử phạt đối với ông Trần Minh Quân, hình phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng và hình phạt bổ sung là tịch thu 27m3 đất (quyết định phát	**12-19**

hành ghi 27m3 cát) quy đổi bằng 1.971.000 đồng, tịch thu phương tiện vi phạm là 01 xe cuốc nhãn hiệu Sumitomo, buộc ông Quân nộp khoản tiền giá trị tương đương của 3 xe ô tô (94C-060.97; 94C-060.11; 94C-060.86) bằng 870.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc ông Trần Minh Quân th c hiện giải pháp cải tạo khu v c đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP.

Toà án cấp sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Quân về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản. Hủy toàn bộ Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Trần Minh Quân.

Toà án cấp phúc thẩm nhận định: - Xét về thẩm quyền xử phạt: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 thì việc khai thác khoáng sản tại thời điểm vi phạm từ 20m3 đến 30m3 thì bị phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; Theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 nêu trên thì 6 thẩm quyền thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt nêu trên là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu và thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm; còn về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính như: người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; Đối với trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng tr c tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn, việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Tại hồ sơ Công an huyện Đông Hải lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân vào ngày 24/12/2021, đến ngày Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 là 06 tháng 07 ngày. Như nhận định trên thì việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân là ban hành quá thời hạn theo quy định là 04 tháng 07 ngày. Việc quy định thời hiệu xử phạt với thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là hai việc khác nhau. Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu cho rằng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6c Nghị định 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP thì thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định trên là đúng. HĐXX xét

	thấy: theo quy định tại Điều 6c Nghị định 81/2013/NĐ-CP cũng như Nghị định 97/2017/NĐ-CP quy định về thời thời hạn việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý hành chính là 01 năm kể từ ngày ra quyết định. Việc ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong thời hạn 01 năm được áp dụng cho quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành đúng theo quy định của pháp luật, chứ không áp dụng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, nên kháng cáo này của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu không có cơ sở để chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì: quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng có quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành; và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập nếu như thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không còn (tức hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính). Nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 trong đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như trên là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính. **Toà án cấp phúc thẩm tuyên:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Quân về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản. Hủy toàn bộ Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Trần Minh Quân	
3	**Bản án số: 771/2023/HC-PT Ngày: 30 - 8 - 2023 Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** **Nội dung:** Ông L nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐXPHC đề ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký thay), về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc L theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Ông L cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông như trên là không đúng theo quy định của 3 pháp luật. Bởi vì, ông L không thực hiện hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo như nội dung tại quyết định xử phạt đã nêu. Việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Do vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. **Toà án cấp sơ thẩm tuyên:**	**20-30**

	Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản". Hủy Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc L. **Toà án cấp phúc nhận định:** Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có căn cứ chứng minh ông L có hành vi thuê ông Ya L1 và ông Đỗ Thanh V thực hiện việc nạo vét, vận chuyển đất ra khỏi vị trí nạo vét 01km, bởi nội dung nêu tại biên bản 13/BB-VPHC là căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 không được người vi phạm ký nhận và ông L, ông Ya L1, ông V cũng không thừa nhận nội dung này (Biên bản chỉ ký trang 4, không ký từng trang). Hơn nữa, phần đất nạo vét là của ông Lê T1, và ông T1 trình bày là liên hệ nhờ ông L thực hiện việc nạo vét để mở rộng ao. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ban hành Văn bản số 294/TAHC yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp bổ sung tài liệu, hình ảnh thể hiện hành vi san gạt và vận chuyển đất ra khỏi vị trí san gạt khoảng 01km nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đ không cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, không có căn cứ để cho rằng ông L có hành vi chỉ đạo ông V vận chuyển đất ra khỏi vị trí san gạt khoảng 01km. **Toà án cấp phúc thẩm tuyên:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản". Hủy Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc L.	
4	**Bản án số: 637/2022/HC-PT Ngày: 17/08/2022 Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** Nội dung: Vào ngày 31/10/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC để xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T, số tiền phạt là 100.000.000 đồng. Vào ngày 05/11/2019 ông T nộp đơn khiếu nại, yêu cầu hủy quyết định nói trên; lý do như sau: Ông T và bà Phạm Thị Ngọc T đi mua cát cho Hồ Hoàng Thanh. Khi đang trên đường vận chuyển cát vào ngày 21/08/2019, thì bị Tổ tuần tra bắt giữ và lập biên bản, cho rằng ông T và bà Thu hút cát trái phép. Vì vậy, ông T và bà Thu không đồng ý ký biên bản. Ông T cho rằng việc làm của các cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh Vĩnh Long không đúng pháp luật, cụ thể như sau: - Tổ tuần tra của Công an xã Tích Thiện, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không giao cho người bị lập biên bản 01 bản, là không đúng pháp luật; - Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 là quá thời hạn luật định (tính từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đầu tiên là ngày 21/08/2019, đến ngày ra quyết	**31-42**

định xử phạt là 71 ngày; nếu tính từ ngày lập biên bản sau cùng là ngày 27/09/2019), thì hời hạn ra quyết định trong trường hợp này cũng là 34 ngày); Sau khi ông T khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định giải quyết khiếu nại số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020, không chấp nhận khiếu nại của ông T, giữ nguyên quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Vì vậy, ông T khởi kiện, yêu cầu hủy quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và quyết định giải quyết khiếu nại số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Toà án cấp sơ thẩm tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T đòi hủy quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Toà án cấp phúc thẩm nhận định:

Vào ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên 11 nước và khoáng sản đối với ông Đồng Chí T, hình phạt là phạt tiền 100.000.000 đồng; quyết định xử phạt này là đúng pháp luật; lý do như sau:

- Sự việc ông Đồng Chí T hút cát trái phép từ lòng sông, đã bị Công an xã Tích Thiện bắt quả tang và lập biên bản xảy ra sự việc ngay tại tàu mà đương sự sử dụng để hút cát; các đương sự đã thừa nhận hành vi hút cát trái phép từ lòng sông;

- Biên bản vi phạm hành chính đã giao cho ông Đồng Chí T 01 bản, theo quy định của Luật Xử phạt vi phạm Hành chính năm 2012;

- Biên bản ngày 21/08/2019 do Công an xã Tích Thiện lập và biên bản ngày 22/08/2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập, là những biên bản làm việc khi xảy ra sự việc. Sau đó, hành vi vi phạm của ông T mới bị lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 27/08/2019 và chỉ lập một lần, không phải lập nhiều lần như ông Đồng Chí T khiếu nại;

- Vào ngày 26/09/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn mới có quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thời gian từ ngày 26/09/2019 đến ngày 31/10/2019 (ngày mà Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính) là 35 ngày. Như vậy, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là đúng theo Khoản 3 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012.

- Việc ông Đồng Chí T không thừa nhận đã bơm hút cát 53 m3 là không có căn cứ, bởi vì biên bản sự việc ngày 21/8/2019 (bút lục 179) đã xác định hành vi của ông Đồng Chí T, khi bị bắt quả tang, đang hút cát với khối lượng khoảng 53 m3; đương sự cũng thừa nhận khi lập biên bản xảy ra sự việc ngày 21/8/2019. Sau khi bị lập biên bản về hành vi khai thác cát trái phép, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T cam kết neo đậu ghe trước Trường trung học cơ sở xã Tích Thiện, tự bảo quản phương tiện, tài sản trên ghe để chờ kết quả giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền và phải chịu sự giám sát của Công an xã Tích Thiện (bút lục 208-209). Tuy nhiên, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đã không

	quản lý, bảo quản ghe, để ghe bị nghiêng, xảy ra việc chìm ghe (sau đó, ghe mới trục vớt lên). **Toà án cấp phúc thẩm tuyên:** 1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 181/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vì đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút lại kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm. 2/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Chí T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.	
5	**Bản án số: 278/2023/HC-PT Ngày 26 tháng 4 năm 2023 Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** **Nội dung:** Gia đình ông Thái Văn M (ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B) có khu vườn tạp, trồng nhiều cây lâu năm, rễ cây làm nhiều ổ mọi, rịnh nước vào ruộng lúa làm ngập chết lúa, cây mọc um tùm, phát sinh chuột cắn phá các loại hoa màu và lúa nên ông M thuê xe cuốc của ông để san lấp vườn tạp, cải tạo đất bờ ruộng. Trong quá trình cải tạo vườn tạp, có dư một phần đất vụn bờ bao, không chỗ để nên ông M cho ông thuê xe cuốc, sà lan chở đi nơi khác để san lấp mặt bằng cho người dân kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải cuộc sống gia đình trong thời gian ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19. Trong khi xe cuốc của ông đang cải tạo khu vườn cho gia đình ông M, khoảng 10 giờ ngày 07/11/2021, đoàn cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B đã kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ các phương tiện của ông thuê mướn gồm: 02 xe cuốc, 01xe tải, 02 sà lan và 01 ghe gỗ. Lý do vi phạm hành chính là ông có hành vi khai thác khoáng sản (lấy đất bờ ruộng lúa cặp bờ kênh vận chuyển ra bãi tập kết dùng xe chuyển đi san lấp mặt bằng) không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 xử phạt ông về hành vi khai thác khoáng sản (đất) làm vật liệu xây dựng thông T1 không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm là 127,85m2, vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ; hình phạt chính 45.000.000 đồng; hình phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ 127,85m3 khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền 12.785.000 đồng, tịch thu phương tiện 01 ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74 và 01 sà lan số hiệu BL-9007 (đã qua sử dụng), buộc nộp khoản tiền tương đương giá trị các phương tiện vi phạm (01 xe cuốc loại xe UH045, 01xe cuốc loại xe UH03, 01 sà lan không có đăng ký số hiệu, 01ghe gỗ) là 472.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông thực hiện giải pháp cải tạo khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ông G cho rằng, việc ông M cho ông phần đất vụn bờ bao không có chỗ để và ông thuê xe cuốc, sà lan chở đi nơi khác san lấp mặt bằng cho người dân hoàn toàn không ảnh hưởng, không vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép	**43-54**

theo quy định pháp luật. Hành vi của ông chỉ mới lần đầu nên nhắc nhở, nếu sau cố tình thì xử phạt tiền và tịch thu phương tiện. Nay, ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản

Toà án cấp sơ thẩm tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn G về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

Toà án cấp phúc thẩm nhận định:

Qua làm việc với Phạm Văn T, Lâm X, Ngô Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lý T khai nhận đang khai thác, vận chuyển đến bãi tập kết (ngang Thánh Thất N) để đưa lên bãi và đưa lên xe tải vận chuyển đất đi để san lấp mặt bằng và khai nhận do ông Trà Văn G chủ vật liệu xây dựng N là người trực tiếp tổ chức, thuê thực hiện các hoạt động khai thác đất. Lực lượng Cảnh sát Môi trường phối hợp Công an huyện P, Công an xã V, xã P và đại diện chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản ghi nhận toàn bộ vụ việc, tạm giữ tang vật, phương tiện và giấy phép, chứng chỉ hành nghề để làm căn cứ xử lý vụ việc.

Phòng Cảnh sát Môi trường tiến hành làm việc với ông Trà Văn G, qua đó, Ông G thừa nhận hành vi tổ chức khai thác khoáng sản (đất) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Qua làm việc với ông Phạm Văn T xác định có thỏa thuận mua bán phần đất bờ ruộng lúa với

03 hộ dân để Ông G tổ chức khai thác khoáng sản (đất) vận chuyển về bãi tập kết tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh B. Ông T đã thỏa thuận ông Thái Văn M bán phần đất bờ ruộng lúa với giá 500.000 đồng, ông Danh K bán với giá 1.300.000 đồng, bà Trần Kim N bán với giá 5.500.000 đồng. Theo Ông G xác định có bán đất san lấp mặt bằng cho bà Nguyễn Thị Hồng T để san lấp mặt bằng. Kết quả xác minh bà Nguyễn Thị Hồng T có mua đất của Ông G để san lấp mặt bằng với số lượng là 16m3, giá 100.000đ/m3, tổng số tiền bà T trả cho Ông G là 1.600.000 đồng. Qua trình thu thập chứng cứ, định giá đã xác định ông Trà Văn G có hành vi vi phạm khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông T1 không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm phát hiện vụ việc vi phạm khối lượng khoáng sản (đất) do ông Trà Văn G tổ chức khai thác là 127,85m3.

Tại biên bản vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC ngày 08/11/2021 và các biên bản làm việc, ông Trà Văn G thừa nhận có hành vi múc đất bờ ruộng của ông M đem đi san lấp mặt bằng cho các hộ dân khác nhưng ông cho rằng hành vi của ông là không vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo quy định pháp luật. Trong thời hạn giải trình theo biên bản vi phạm hành chính Ông G cũng không giải trình, thể hiện sự thừa nhận hành vi vi phạm hành chính của ông. Xét thấy: Theo Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định "Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ" và tại khoản 1 Điều 64 vật liệu xây dựng thông T1 gồm: "Đất sét làm gạch, ngói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, các loại sét (trừ sét bentonit, sét kaolin) không đủ tiêu chuẩn sản xuất

	gốm xây dựng, vật liệu chịu lửa samot, xi măng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam". Đồng thời, tại Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án và Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch dùng san lấp cũng xác định "đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông T1 (dùng cho mục đích san lấp)". Do đó, có đủ căn cứ xác định đất là khoáng sản. Do hành vi của Ông G đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ- CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 xử phạt ông Trà Văn G hình phạt chính số tiền 45.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ. Theo khoản 4 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định: "Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này", nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định tịch thu toàn bộ 127,85m3 khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền là 12.785.000 đồng và tịch thu các phương tiện vi phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. **Toà án cấp sơ thẩm tuyên:** Không chấp nhận kháng cáo của ông Trà Văn G, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.	
6	**Bản án số: 589/2022/HC-PT Ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh** **Nội dung:** Ngày 21/8/2019 bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T (chồng bà Phạm Thị Ngọc T) đi mua cát thuê cho anh Hồ Hoàng T và đang trên đường vận chuyển thì bị Tổ tuần tra đuổi theo bắt giữ và lập biên bản cho rằng bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T đang khai thác cát trái phép từ lòng sông nên bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T không chịu ký vào biên bản. Sau đó Tổ tuần tra Công an xã TT, huyện Tr, tỉnh V lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không giao cho bà Phạm Thị Ngọc T. Ngày 31/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 xử phạt bà Phạm Thị Ngọc T số tiền 100.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản. Ngày 05/11/2019, bà Phạm Thị Ngọc T nộp đơn khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số: 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban	**55-64**

nhân dân tỉnh V. Ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 91/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Bà Phạm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2774/QĐ- XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh V và Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBNDtỉnh V.

Toà án cấp phúc thẩm nhận định: Khi tổ tuần tra yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T điều khiển phương tiện ghe sắt cùng số lượng cát đã khai thác về trụ sở Công an xã TT để làm việc và tổ tuần tra đã tiến hành đo và xác định khối lượng cát do bà Phạm Thị Ngọc T đã có hành vi khai thác 53m3 cát; tại biên bản làm việc ngày 22/8/2019 (Bút lục số 220) bà Phạm Thị Ngọc T và và chồng là ông Đồng Chí T thừa nhận hành vi bơm hút cát sông không có giấy phép là vi phạm pháp luật, khối lượng cát đã khai thác là 53m3. Sau đó phương tiện chở cát bị chìm nên cơ quan chuyên môn không thẩm định được khối lượng cát thu giữ thực tế. Tuy nhiên, tại Biên bản vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC Ngày 27/8/2019 (Bút lục 165-166) của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr đã lập biên bản về việc bà Phạm Thị Ngọc T có hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, khối lượng khoáng sản là cát lòng sông đã khai thác từ 53m3 bà Phạm Thị Ngọc T đã đồng ý ký tên. Sau đó bà Phạm Thị Ngọc T cũng không có khiếu nại về việc xác định khối lượng cát.

Tại Kết luận số 345/CCVL ngày 17/9/2020 (Bút lục số 340) của Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long đã kết luận: Trọng tải hàn hóa: 77 tấn; Trọng tải toàn phần: 78 tấn; thể tích khoang hàng phương tiện chở quá mức nước án toàn cho phép là 42,3m3 thể tích thanh quây hầm hàng là 17,85m3. Vậy tổng thể tích phương tiện chứa là 60,15m3. Như vậy việc xác định bà Phạm Thị Ngọc T có hành vi vi phạm do bơm hút cát sông không có giấy phép với khối lượng cát đã khai thác là 53m3 là có cơ sở. Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và kháng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T với hình thức phạt tiền với mức phạt là 100.000.000 đồng là đúng tại điểm h khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017-NĐ-CP Ngày 03/4/2017 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Bà Phạm Thị Ngọc T không đồng ý với quyết định số 2774/QĐ- XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính và đã khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V ban hành quyết định số: 91/QĐ-UBND Ngày 14/01/2020 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T giữ nguyên Quyết định số 2774/QQĐ- XPVPHC là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T.

Toà án cấp phúc thẩm tuyên: Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

	Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T.	

FDVN LAWFIRM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 759/2023/HC-PT Ngày 29 tháng 8 năm 2023 V/v: Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.	

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đỗ Đình Thanh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 84/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1953/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B; địa chỉ trụ sở: Ấp 2, xã Thạnh P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; cư trú tại: 409 Hưng P, phường 9, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; địa chỉ trụ sở: 02 đường Nguyễn Văn T, phường Thanh B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Mai Công Kh - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biến đổi khí hậu thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai là người bị kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B (sau đây gọi tắt là HTX B) là đơn vị được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thuộc xã Thiện T và xã T, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -60m có trữ lượng khai thác là 10.804.819m^3. Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản số 691/GP-UBND để thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -80m có trữ lượng khai thác là 14.343.819m^3.

Từ khi được cấp phép khai thác khoáng sản đến năm 2021, HTX B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai với số tiền đã nộp là 37.129.081.604 đồng. Đến năm 2022, Hợp tác xã B nhận được văn bản số 1812/STNMT-TNN,KS&BDKH ngày 25/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 và năm 2022 đối với mỏ đá Thạnh P 3, theo đó xác định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 là 58.947.302.992 đồng, số tiền phải nộp từ năm 2014 đến năm 2021 là 49.349.661.784 đồng (trong đó phải nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng) và số tiền nộp năm 2022 là 5.332.022.893 đồng. Gửi kèm theo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường là Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/4/2022, Cục Thuế tỉnh Đồng Nai đã ban hành Thông báo nộp tiền số 38/TB-CTDON.QLHKDCN&TK yêu cầu HTX B phải nộp số tiền nộp bổ sung từ năm 2014 đến năm 2021 là 12.220.580.180 đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành thông báo.

Cho rằng việc ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính từ thời điểm 2014 trở đi tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thể hiện tại Điều 1 của Quyết định này là không phù hợp với quy định pháp luật hiện

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

hành, nên HTX B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai nêu trên.

- Về phía UBND tỉnh Đồng Nai và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng: Những quyết định cấp phép khai khoáng vào năm 3013 và cấp phép khai khoáng vào năm 2018 cho phép khai thác tại mỏ đá Thạnh P 3 cho Hợp tác xã B được thực hiện đúng quy định pháp luật, trên cơ sở đó UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai khoáng đối với Hợp tác xã B, việc ban hành các quyết định phê duyệt cấp quyền khai khoáng của UBND tỉnh Đồng Nai và các năm 2014 (tạm tính), 2015 và 2018 hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành. Trong quá trình thực hiện, thấy có vướng mắc nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Nai kiến nghị đến Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thông tư hướng dẫn công thức tính tiền cấp quyền khai khoáng. Khi thực hiện tính tiền cấp quyền khai khoáng cho Hợp tác xã B, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng các công thức tính toán được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên sau đó, kết luận của Kiểm toán nhà nước cho rằng UBND tỉnh Đồng Nai tính tiền khai khoáng sai cho doanh nghiệp nên Ủy ban đã xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 26/03/2021 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS hướng dẫn cách tính tiền cấp quyền khai khoáng phải áp dụng hệ số nở rời nhân cho giá tính thuế tài nguyên. Trên cơ sở hướng dẫn này, UBND tỉnh Đồng Nai đã tính toán lại toàn bộ tiền cấp quyền khai khoáng của Hợp tác xã B trên cơ sở các Nghị định cũ và vận dụng thêm các quy định của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và Tiêu chuẩn Quốc gia số 4447:2012. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B, hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

xuất thương mại và dịch vụ B; giữ nguyên Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai trình bày:

Cơ sở pháp lý để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 lấy bằng với giá tính thuế tài nguyên khi thứ nguyên đơn đơn vị tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là m^3 ở trạng thái tự nhiên khác với thứ nguyên đơn đơn vị để tính thuế tài nguyên là m^3 ở trạng thái nở rời sau nổ mìn được Bộ Tài nguyên và Môi trường khẳng định tại Văn bản số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/3/2021. Cơ sở pháp lý tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu (năm 2014) tính cho sáu tháng đầu năm và sáu tháng cuối năm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ; Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 và Quyết định số 24/2014/NĐ-CP ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng khoản 1 Điều 10 của Nghị định 67/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 nhằm điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là Hợp tác xã B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX B với lý do: UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 là trên cơ sở yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước và các văn bản pháp luật gồm: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 có hiệu lực từ ngày 15/01/2017 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh Đồng Nai được Tòa án triệu tập đến phiên tòa xét xử vào ngày 24 và ngày 29/8/2023 nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Thẩm quyền ban hành và hình thức của Quyết định hành chính số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai được thực hiện đúng quy định pháp luật.

[4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về nội dung vụ án và kháng cáo của đương sự:

[5.1] HTX B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 thuộc xã Thiện T và xã Thạnh P - huyện Vĩnh C - tỉnh Đồng Nai theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013, với diện tích cấp phép khai thác 25ha và cao trình khai thác là -60m có trữ lượng khai thác là 10.804.819m^3.

Tại Điều 7 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như sau: "*Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng, công bố và tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn hiệu lực";* và Điều 11 Nghị định này quy định công thức tính: *"Số tiền mỗi lần nộp được tính như sau:*

- Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu khi có thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu trước khi giấy phép hết hạn 5 năm. Cụ thể theo công thức như sau: $\boldsymbol{T_{hn} = T: (X - 4)}$.

T_{hn} *- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam; X - Số năm khai thác còn lại.*

- Đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản cấp sau ngày Nghị định này có hiệu lực: Lần đầu thu trước khi cấp Giấy phép khai thác; các lần sau thu hàng năm liên tục (trước ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo) và hoàn thành việc thu vào nửa đầu thời hạn cấp phép. Cụ thể theo công thức như sau: $\boldsymbol{T_{hn} = 2T: X}$

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

T_{hn} - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm; đồng Việt Nam; T - Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp; đồng Việt Nam; X - Tổng số năm được khai thác; năm;

Số tiền nộp từ lần thứ hai phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể như sau: $\boldsymbol{T_n = T_{hn} \times G_n : G}$

T_n - Tiền nộp lần thứ n; đồng Việt Nam; T_{hn} - Tiền nộp hàng năm; đồng Việt Nam; G_n - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền lần thứ n; đồng/đơn vị trữ lượng; G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản lần đầu; đồng/đơn vị trữ lượng;"

[5.2] Tại thời điểm này, việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Hợp tác xã B được áp dụng theo giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 (Giá tính thuế tài nguyên đá xây dựng nguyên khai là 125.000 đồng/m^3). Trên cơ sở các quy định pháp luật nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Thạnh P 3 của Hợp tác xã B. Hợp tác xã B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ theo quy định trên từ năm 2013 đến năm 2017.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai xác định thời điểm vào năm 2016 khi ban hành Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc tính tiền khai thác khoáng sản cho Hợp tác xã là đúng hướng dẫn của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

[5.4] Do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng Cục Địa chất và Khoán sản Việt Nam ban hành nhiều văn bản hướng dẫn khác nhau cho các địa phương liên quan tới công thức tính tiền khai thác khoáng sản, nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản báo cáo đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường giải thích và ban hành Thông tư hướng dẫn để có căn cứ áp dụng hệ số nở rời vào công thức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Ngày 14/02/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 550/BTNMT-ĐCKS trả lời nội dung Bộ này đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng Thông tư hướng dẫn, đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng các quy định hiện hành để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong khi chờ đợi. Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 10002/UBND-CNN ngày 25/10/2016 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục thực hiện công thức tính tiền cấp quyền khoáng sản theo đúng quy định tại Điều 7 và Điều 11 của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Như vậy, UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động là phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 550/BTNMT-ĐCKS ngày 14/02/2017.

[5.5] Tuy nhiên, sau đó Bộ Tài nguyên và Môi trường không ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Cho đến ngày 29/11/2016, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản,

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

và ngày 16/10/2017 Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Như vậy, kể từ thời điểm này mới có văn bản quy phạm pháp luật quy định công thức áp dụng cho việc quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên sang giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nên, tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đồng Nai cho rằng hệ số nở rời đã được quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ - CP ngày 28/11/2013 là không phù hợp với thực tế.

[5.6] Ngày 01/3/2018, Hợp tác xã B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép số 691/GP-UBND cho phép khai thác mỏ đá Thạnh P 3 thuộc xã Thiện Tân và xã Thạnh P, huyện Vĩnh Cửu có nội dụng thay đổi về "*Bổ sung trữ lượng từ cote -60m đến cote -80m là 3.539.000m^3, thời gian khai thác đến ngày 18/01/2037*", những nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/10/2013.

Ngày 08/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 901/QĐ-UBND về việc tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho HTX B xác định số tiền HTX B phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 và tiền cấp quyền khai thác từ năm 2018 trở đi được áp dụng công thức quy định tại Điều 3 của Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trên cơ sở đó, HTX B đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 901/QĐ-UBND nêu trên tính từ năm 2018 đến năm 2021 theo quy định. Qua đó có thể thấy UBND tỉnh Đồng Nai đã thực hiện đúng Thông tư nêu trên và về phía HTX B cũng đã chấp hành đúng pháp luật và chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm việc giữa HTX B và UBND tỉnh Đồng Nai thời điểm này đều không đề cập tới việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung đối với HTX B giai đoạn 2013 đến 2017.

[5.7] Tuy nhiên, ngày 18/3/2022 UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá xây dựng Thạnh P 3 có nội dung xác định lại số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2014 đến năm 2023 là 58.947.302.992 đồng, trong đó thay đổi toàn bộ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 bằng công thức có nhân với hệ số nở rời quy định tại Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 và tính lại tiền phải nộp trong năm 2022, 2023 theo công thức quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ. Như vậy, với cách tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai là mâu thuẫn với tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai thông qua các văn bản trao đổi về nội dung này giữa UBND tỉnh này với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[5.8] Lý giải về việc ban hành quyết định điều chỉnh nêu trên, UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ vào: (1) Công văn hướng dẫn số 1391/BTNMT-ĐCKS ngày 26/03/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định giá tính

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017, trong đó có dẫn chiếu Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, xác định giá tính tiền khai thác khoáng sản tại thời điểm nộp tiền được xác định là giá tính thuế tài nguyên do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nhân cho hệ số nở rời; (2) Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ lần tiếp theo (năm 2021) trở đi phải nhân với tỷ số chênh lệch giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; (3) Áp dụng công thức tính nhân "hệ số nở rời" theo quy định Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[5.9] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Công văn của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không phải là văn bản quy phạm pháp luật, thuộc loại văn bản hướng dẫn mang giá trị tham khảo; việc tính toán tiền cấp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 phải vận dụng đúng các quy định của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: *Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định theo giá tính thuế tài nguyên.*

Ngày 29/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Khoáng sản. Ngày 16/10/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì mới xuất hiện công thức tính mới là: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản = Giá tính thuế tài nguyên x Hệ số nở rời; và tại Điều 8 của Thông tư này quy định về hiệu lực thi hành như sau: "*Các Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp kể từ ngày Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này*".

Như vậy, HTX B được cấp giấy phép khai thác số 3367/GP-UBND ngày 22/10/2013 và đã nộp đủ tiền khai thác khoáng sản theo Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai từ khi được cấp phép năm 2013 đến năm 2017 theo đúng quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, UBND tỉnh Đồng Nai vận dụng công thức tính tiền khai thác khoáng sản theo Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để ban hành Quyết định 693/QĐ-UB ngày 18/3/2022 về việc tính lại tiền khai thác khoáng sản từ năm 2014 đến năm 2017 đối với HTX B trong khi HTX B đã hoàn tất quyết toán thuế, chi phí doanh nghiệp trong những năm này là không phù hợp.

- UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:12 để lấy hệ số nở rời và thêm vào công thức tính quy định tại Điều 11 của Nghị định

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên, qua xem xét, đối chiếu quy định tại Nghị định này và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đều không có điều luật nào dẫn chiếu đến Tiêu chuẩn Quốc gia trên. Trong khi đó tại Điều 1 của Tiêu chuẩn quy định về phạm vi áp dụng tiêu chuẩn là: *"khi thi công và nghiệm thu công tác đất…khi lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công cũng như khi thiết kế công trình đất phải tuân thủ những quy định của quy chuẩn này"* mà không quy định phải áp dụng tiêu chuẩn cho việc *"tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản"*. Vì vậy, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Tiêu chuẩn trên là không đúng đối tượng.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh Đồng Nai áp dụng Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2019 để tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2013 đến nay cho Hợp tác xã B. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định trên quy định: *"Đối với Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khoáng sản đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật sẽ tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được ban hành. Trường hợp có sự điều chỉnh Giấy phép khai thác thì Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được áp dụng theo quy định của Nghị định này"* và khoản 2 Điều 15 quy định: *"Trường hợp các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định Nghị định này làm cho tổ chức, cá nhân phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cao hơn khi áp dụng Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định 203/2013/NĐ-CP"*. HTX B được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 3367/GP-UBND vào ngày 22/10/2013. Ngày 01/3/2018, UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép số 691/GP-UBND cho phép HTX B "*bổ sung trữ lượng từ cote -60 đến cote -80 là 3.539.000m^3, thời gian khai thác đến ngày 18/01/2037"*. Sau đó, UBND tỉnh Đồng Nai lần lượt ban hành các Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số 2550/QĐ-UBND ngày 26/8/2015, Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 08/3/2018.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 của Nghị định nêu trên thì UBND tỉnh Đồng Nai không được tính lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho HTX B.

[6] Với các phân tích trên cho thấy: Việc UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ để ban hành Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 tính lại tiền khai thác khoáng sản cho HTX B là không đúng pháp luật, gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của HTX B. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của HTX B, hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Đồng Nai, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kiện tại phiên tòa không phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND tỉnh Đồng Nai phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 241, Điều 348, Điều 349 Luật tố tụng hành chính.

- Áp dụng: Điều 77 Luật Khoáng sản; các Điều 5, Điều 7, Điều 11 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính Phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Điều 69 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bảng giá tối thiểu để tính thuế đối với các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2022/HC-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã sản xuất thương mại và dịch vụ B; hủy Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Hoàn trả cho Hợp tác xã thương mại và dịch vụ Bình Thạch số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000375 ngày 14/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

phí, lệ phí Tòa án số 0000607 ngày 28/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VP (5) NTTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Võ Văn Khoa - Đỗ Đình Thanh	**Ngô Mạnh Cường**

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 452/2023/HC-PT
Ngày: 23/06/2023
V/v "Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản"

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Thiện, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 470/2022/TLPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc "Khiếu kiện QĐ xử phạt VPHC trong lĩnh vực khoáng sản".

1/ Người khởi kiện: ông Trần Minh Quân, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 10, xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh Quân: Ông Phan Hoàng Bi, sinh năm 1959. Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2/ Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: số 05, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn Thiều - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Quốc Đoàn, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Đông, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phan Hoàng Bi là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/6/2021, ông Trần Minh Quân ký hợp đồng thuê xe của bà Trần Thị Kim Vàng để chở thuê hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng. Việc chở thuê không thường xuyên, không cố định từng mặt hàng nên ông không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh về hàng hóa mà ông chở thuê cũng như về lĩnh vực khai thác khoáng sản. Ngày 23/12/2021, ông Quân chở đất thuê cho ông Nguyễn Thành Được (ông Được xin đất của ông Phan Hữu Hải, đất ông Hải được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nên việc ông chở đất thuê cho ông Được không phải hành vi khai thác khoáng sản. Mặt khác, ông Quân chở đất thuê khi bị lập biên bản vi phạm hành chính hiện tại trên xe là đất chứ không phải là cát nhưng tại Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về xử phạt trong lĩnh vực khoáng sản, căn cứ khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ để tịch thu toàn bộ 27m^3 cát được quy đổi thành tiền 1.971.000 đồng là không đúng tang vật mà ông Quân đang vận chuyển trên xe khi bị lập biên bản và việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản là không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật, vi phạm về hình thức lẫn nội dung, kể cả hình phạt chính bằng tiền và phạt bổ sung nên xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Quân. Nay, ông Quân yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày ý kiến tại văn bản số 4389/UBND-NC ngày 22/11/2022 (Bút lục số 239 - 243):

Ngày 23/12/2021, tại ấp Rạch Rắn, xã Long Điền, huyện Đông Hải, ông Trần Minh Quân đã thực hiện hành vi vi phạm khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm là 27m^3 đất vi phạm điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

Kết quả xác minh: Ông Quân xác định ngày 23/12/2021, ông là người thuê các ông Bùi Văn Lĩnh, Trần Trọng Tâm, Nguyễn Hoài Giang, Nguyễn Hữu Nghị điều khiển xe cuốc, ô tô tải chở đất, tổ chức khai thác phần đất nuôi trồng thủy sản của ông Phan Hữu Hải để vận chuyển đất sau khai thác đem sang lấp mặt bằng cho ông Nguyễn Thành Được. Các phương tiện gồm 01 xe ô tô tải tự đổ, biển đăng ký 94C-060.97; 01 xe ô tô tải tự đổ, biển đăng ký 94C-060.11; 01 xe ô tô tải tự đổ, biển đăng ký 94C-060.86 đều thuộc sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị Kim Vàng; 01 xe cuốc do ông Quân là chủ sở hữu. Sau khi khai t[illegible]ng Quân là người trực tiếp đứng ra

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

hợp đồng với ông Phan Hữu Hải để cải tạo vuông cho ông Hải, đồng thời ông Hải bán phần đất dư sau khai thác cho ông Quân trong thời gian 02 năm (từ năm 2021 đến năm 2022), số tiền bán được đất ông Hải trừ vào tiền công ông Quân cải tạo đất cho ông Hải. Sau đó, ông Quân lấy phần đất mặt này bán lại cho ông Nguyễn Thành Được kiếm tiền lời. Qua làm việc, ông Quân không xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác đất.

Hành vi tổ chức sử dụng 04 phương tiện khai thác khoáng sản (đất) trái phép của ông Trần Minh Quân vi phạm điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ nên việc xử phạt là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, ngoài hình thức xử phạt chính phạt tiền 15.000.000 đồng, ông Quân còn phải chịu hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu toàn bộ 27m^3 khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền 1.971.000 đồng và tịch thu phương tiện vi phạm hành chính, cụ thể: Đối với 01 xe cuốc nhãn hiệu Sumitomo thuộc sở hữu của ông Quân nên áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu phương tiện. Đối với các phương tiện còn lại (03 ô tô tải tự đổ) không phải tài sản thuộc sở hữu của ông Quân, ông Quân thuê mướn của người khác, sử dụng trái phép vào hành vi khai thác khoáng sản nên buộc ông Quân phải nộp khoản tiền tương đương giá trị phương tiện vi phạm là 780.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước để nhận lại các phương tiện trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Kim Vàng. Như vậy, Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Trần Minh Quân là đúng quy định. Việc ông Quân yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 là không có cơ sở.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc Đoàn trình bày:

Theo anh Đoàn xác định xe cuốc nhãn hiệu Sumitomo bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là của anh cho ông Quân mượn sử dụng vào giữa tháng 12 năm 2021, do là anh em làm ăn với nhau, anh thường mượn xe của ông Quân nên ông Quân hỏi mượn thì anh cho mượn. Khi ông Quân bị xử phạt vi phạm hành chính, Công an huyện Đông Hải có mời làm việc thì anh mới biết sự việc là xe cuốc của anh bị tịch thu. Anh mua xe cuốc của một người không biết họ tên, có làm giấy tờ nhưng hiện nay bị mất hết giấy tờ. Tuy nhiên, anh có làm tờ xác nhận là chủ sở hữu chiếc xe trên, được ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long xác nhận và anh đã nộp giấy xác nhận này cho Công an huyện Đông Hải để chứng minh anh là chủ sở hữu chiếc xe. Nay, anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trả lại chiếc xe cuốc nêu trên cho anh vì xe này do anh cho ông Quân mượn sử dụng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 28; Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Quân về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Hủy toàn bộ Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Trần Minh Quân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/2/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu cho rằng ông Trần Minh Quân có hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Theo biên bản vi phạm hành chính lập ngày 24/12/2021, đến ngày 24/01/2022 Chủ tịch UBND huyện Đông Hải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 313/QĐ-XPHC, trong thời hạn 01 tháng là còn trong thời hạn xử phạt. Tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì UBND huyện không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp trên. Nên ngày 13/5/2022, UBND huyện Đông Hải ra quyết định số 2026/QĐ-HBXPVPHC hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 313/QĐ-XPHC ngày 24/01/2022. Căn cứ khoản 3 Điều 6b Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, ngày 24/5/2022 Chủ tịch UBND huyện Đông Hải có tờ trình số 85/TTr gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân như trên. Theo Điều 6c Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì thời hạn thực hiện việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ ngày ra quyết định, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 đối với ông Trần Minh Quân là đúng, nên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm xử.

Tại cấp phúc thẩm, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Về phía ông Trần Minh Quân và người đại diện theo ủy quyền của ông Quân là ông Phan Hoàng Bi thì đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm xử ngày 29/12/2022 vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu. Ngày 19/01/2023 tống đạt bản án cho Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu. Ngày 03/02/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu kháng cáo là trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

- Vào ngày 23/12/2021 Công an huyện Đông Hải kết hợp với chính quyền địa phương xã Long Điền, huyện Đông Hải kiểm tra, phát hiện ông Trần Minh Quân thuê các ông Bùi Văn Lĩnh, Trần Trọng Tâm, Nguyễn Hoài Giang, Nguyễn Hữu Nghị thực hiện hành vi khai thác khoáng sản đất mặt trái phép tại ấp Rạch Rắn, xã Long Điền, huyện Đông Hải bằng 03 xe tải vận chuyển, ngày 24/12/2021 thì Công an huyện Đông Hải lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân có hành vi khai thác khoáng sản đất 27m^3, vi phạm điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020. Ngày 24/01/2022 thì Chủ tịch UBND huyện Đông Hải ban hành quyết định số 313/QĐ-XPHC, đến ngày 13/5/2022 thì Chủ tịch UBND huyện Đông Hải ban hành quyết định số 2026/QĐ-HBXPVPHC, hủy bỏ quyết định số 313/QĐ-XPHC ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Hải (vì cho rằng không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện Đông Hải, mà thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh). Nên ngày 24/5/2022, Chủ tịch UBND huyện Đông Hải có tờ trình số 85/TTr gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, ngày 02/7/2022 thì Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC xử phạt đối với ông Trần Minh Quân, hình phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng và hình phạt bổ sung là tịch thu 27m^3 đất (quyết định phát hành ghi 27m^3 cát) quy đổi bằng 1.971.000 đồng, tịch thu phương tiện vi phạm là 01 xe cuốc nhãn hiệu Sumitomo, buộc ông Quân nộp khoản tiền giá trị tương đương của 3 xe ô tô (94C-060.97; 94C-060.11; 94C-060.86) bằng 870.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả là buộc ông Trần Minh Quân thực hiện giải pháp cải tạo khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP.

- Xét về thẩm quyền xử phạt: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 thì việc khai thác khoáng sản tại thời điểm vi phạm từ 20m^3 đến 30m^3 thì bị phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; Theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 nêu trên thì

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

thẩm quyền thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt nêu trên là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu và thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm; còn về thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính như: người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; Đối với trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn, việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Tại hồ sơ Công an huyện Đông Hải lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân vào ngày 24/12/2021, đến ngày Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 là 06 tháng 07 ngày.

Như nhận định trên thì việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Minh Quân là ban hành quá thời hạn theo quy định là 04 tháng 07 ngày.

Việc quy định thời hiệu xử phạt với thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là hai việc khác nhau. Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu cho rằng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6c Nghị định 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP thì thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành quyết định trên là đúng.

HĐXX xét thấy: theo quy định tại Điều 6c Nghị định 81/2013/NĐ-CP cũng như Nghị định 97/2017/NĐ-CP quy định về thời thời hạn việc sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý hành chính là 01 năm kể từ ngày ra quyết định.

Việc ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong thời hạn 01 năm được áp dụng cho quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành đúng theo quy định của pháp luật, chứ không áp dụng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, nên kháng cáo này của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu không có cơ sở để chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì: quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng có quyền áp dụng biện phá[illegible]ục hậu quả theo quy định tại khoản

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, quyết định tịch thu nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành; và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập nếu như thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không còn (tức hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính). Nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 trong đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như trên là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy toàn bộ quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu như trên là có căn cứ, nên HDXX không chấp nhận theo kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu.

Chấp nhận theo quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] – Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 28; Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Quân về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Hủy toàn bộ Quyết định số 1008/QĐ-XPVPHC ngày 01/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Trần Minh Quân.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Ngày 17/02/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000387 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phải nộp.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/6/2023.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (1);
- Đương sự;
- Cục THA DS tỉnh Bạc Liêu (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (2) (NĐT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 771/2023/HC-PT Ngày: 30 - 8 - 2023 V/v: "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản".	

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiên cứu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Hà Huy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số: 385/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2095/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Phương Đại N – Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt)

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên H – Phó Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phan Anh T – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ (xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Lê T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2/Ông Ya Lu, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

3/Ông Đỗ Thanh V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06-4-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-4-2022 và bản tự khai của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông L nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC đề ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký thay), về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc L theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản với các nội dung sau:

- Hình thức xử phạt chính là phạt tiền với mức phạt là 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng);

- Hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính gồm 01 (một) xe ô tô tải FAW biển số 49C-242.31 và 01 xe máy múc hiệu Kobeleo, số khung YW-04403 màu vàng, thể tích gàu 0,4m^3

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn;

+ Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là 54m^3 khoảng sản do thực hiện vi phạm hành chính trong trường hợp đã bị tiêu thụ là 864.000đ (Tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) theo biên bản khảo sát giá vật liệu của Ủy ban nhân dân xã Đ với mức giá 16.000 đồng/m^3 đất san lấp;

+ Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Ông L cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông như trên là không đúng theo quy định của

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

pháp luật. Bởi vì, ông L không thực hiện hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo như nội dung tại quyết định xử phạt đã nêu. Việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Do vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đ điện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Qua kiểm tra cho thấy: Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 02-3-2022, Phòng C - Công an tỉnh L chủ trì, phối hợp với Công an huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành kiểm tra, phát hiện 01 vị trí san gạt đất và vận chuyển ra khỏi vị trí san gạt khoảng 01km để san gạt mặt bằng. Tại hiện trường có 01 xe máy múc màu vàng, hiệu Kobelco khối lượng gàu 0,4m^3 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu FAW biển số 49C-24231 đang tiến hành múc đất lên xe và chở ra khỏi vị trí đang san gạt (xe ô tô tải có trọng tải 06 m3), vị trí san gạt có tọa độ tâm (568796-1275902), khu vực san lấp mặt bằng có diện tích 336 m^2 (14m x 24m) cao 1,6m (do bằng thước dây). Tại thời điểm kiểm tra có 02 công nhân đang thực hiện đào đất chở đi san lấp gồm: Ông Ya L1, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Đ, huyện Đ (lái máy múc) và ông Đỗ Thanh V sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T; huyện Đ (lái xe ô tô tải). Qua làm việc, được biết chủ 02 phương tiện máy múc hiệu Kobelco màu vàng, gàu 0,4m^3 và xe ô tô tải FAW biển số 49C-242.31 là của ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú thôn Đ, xã Đ, huyện Đ. Chủ đất là ông Lê T1, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú thôn A, xã Đ, huyện Đ, hiện trạng đất đang trồng cà phê khoảng 10 năm, có chiều cao 1,5 m, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Ngọc L thuê ông Ya L1 điều khiển máy múc hiệu Kobelco màu vàng, gàu 0,4m^3 và Đỗ Thanh V điều khiển xe ô tô tải FAW biển số 49C-242.31 để thực hiện san gạt mặt bằng, khai thác khoáng sản bắt đầu vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 02-3-2022, thực hiện múc đất tại khu vực vườn cà phê hộ ông Lê T2, đưa lên ôtô tải FAW biển số 490-242.31 do ông Đỗ Thanh V điều khiển vận chuyển ra ngoài để san lấp tại vị trí khác cách khoảng 01 km, với khối lượng đã đào múc và vận chuyển đi nơi khác là 54m^3 (09 xe), đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng chức năng phát hiện, xử lý. Qua làm việc với ông L (chủ phương tiện) và ông Lê T1 (chủ đất) cho biết việc chở đất ra khỏi vị trí trên là chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Phòng C - Công an tỉnh L đã lập biên bản làm việc ngày 02-3-2022; Công an huyện Đ đã lập biên bản ghi lời khai ngày 02-3-2022 đối với các ông Nguyễn Ngọc L, Đỗ Thanh V, Ya L1 và bàn giao hồ sơ cho Ủy ban nhân dân xã Đ để tiếp tục xử lý.

Ngày 02-3-2022, Ủy ban nhân dân xã Đ đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-TG và Biên bản số 03/BB-TG ngày 02-3-2022 về tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đối với máy

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

múc hiệu Kobelco màu vàng, gàu 0,4 m3 và xe ô tô tải FAW biển số 49C-242.31 của ông L.

Ngày 04-3-2022, Ủy ban nhân dân xã Đ đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Ngọc L, với hành vi: "*khai thác khoảng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoảng sản đã khai thác là 5 $m^{3,}$* vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Ngày 04-3-2022, Ủy ban nhân dân xã Đ có Báo cáo số 41/BC-UBND đề xuất và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Uỷ ban nhân dân huyện để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc L. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đề xuất của Phòng C tại Tờ trình số 799/TTr- TNMT ngày 29-3-2022 về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và ý kiến đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của Phòng Tư pháp tại văn bản số 125/TP ngày 01-4-2022, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc L, với hành vi "*khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác là 54m^3*" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; phạt tiền với mức phạt là 50.000.000 đồng (Là mức phạt tiền cao nhất của khung phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do vị trí thực hiện hành vi vi phạm của ông Nguyễn Ngọc L thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, do đó áp dụng mức phạt tiền cao nhất của khung phạt theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ); hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính gồm: 01 (một) xe ô tô tải FAW biển số 49C-242.31 và 01 (một) xe máy múc hiệu Kobelco, số khung YW - 04403, màu vàng, thể tích gàu 0 4 m^3 theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 22 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ- CP ngày 06-01-2022 của Chính phủ: "*Tịch thu toàn bộ tang vật là khoảng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này";* biện pháp khắc phục hậu quả buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn, buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là 54m^3 khoáng sản do thực hiện vi phạm hành chính trong trường hợp đã bị tiêu thụ là 864.000 đồng theo quy định tại điểm a, điểm c, khoản 5 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP của Chính Phủ đã được sửa

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

đổi bổ sung tại điểm b khoản 22 Điều 2 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06-01-2022.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ bản hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 đối với ông L là đúng quy định. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T1 trình bày:

Quyền sử dụng đất tại thửa số 15, tờ bản đồ số 60 (2013) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T1, trên đất ông T2 có trồng cà phê và có 01 ao trữ nước dùng cho việc tưới tiêu diện tích khoảng 300 m^2 (ao có từ trước). Do ao nhỏ không trữ đủ nước tưới vào mùa khô nên ông T1 có liên hệ nhờ ông Nguyễn Ngọc L để thực hiện việc nạo vét và mở rộng ao. Ông T1 có gặp và thỏa thuận miệng với ông L để thực hiện việc này.

Vào ngày 02-3-2022, ông L có cho ông Ya L1 và ông Đỗ Thanh V đưa máy múc hiệu Kobelco xuống thửa đất của ông T1 để nạo vét, mở rộng ao. Trong quá trình vét ao, do có dư đất nên ông T1 có thỏa thuận với ông L về việc đổ đất dư lên con đường hiện trạng trong thửa đất của ông T1 và có hỗ trợ tiền dầu và tiền công cho ông L là 150.000 đồng/xe, việc này là phát sinh thêm khi nạo vét ao nên ông T1 chỉ thỏa thuận bằng miệng với ông L. Sau đó ông L nói ông ông V dùng xe tải FAW biển số 49C-242.31 chở đất dư đổ lên con đường, tổng cộng có 9 xe đất (một xe chưa đổ đất). Vào khoảng 11 giờ cùng ngày, Phòng C- Công an tỉnh L chủ trì, phối hợp với Công an huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành kiểm tra và lập biên bản làm việc. Đến ngày 01-4-2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký thay) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với ông L nêu trên là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi vì, ông L chỉ thực hiện nạo vét, mở rộng ao nước theo yêu cầu của ông T1. Hiện nay, ao nước mà ông L nạo vét, mở rộng đã được đổ đầy nước phục vụ cho việc tưới tiêu; ông L không thực hiện hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo như nội dung tại quyết định xử phạt nêu trên. Việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Do vậy, nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông T1 đồng ý, kính đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC đề ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ya L1 trình bày:

Ông Ya L1 và ông Đỗ Thanh V là người làm công cho ông L. Vào ngày 02-3-2022, ông L có nói ông Ya L1 và ông V xuống thửa đất của ông T1 nạo vét, mở rộng ao nước. Trong quá trình vét ao, thì ông Ya L1 lái máy múc hiệu

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Kobelco khối lượng gàu 0,4m^3 để vét ao còn ông V thì lái xe tải nhãn hiệu FAW biển số 49C- 24231 để chở đất dư phát sinh trong quá trình vét, mở rộng ao đổ lên con đường trong thửa đất của ông T1. Trong lúc làm việc khoảng 11 giờ cùng ngày, Phòng C- Công an tỉnh L chủ trì, phối hợp với Công an huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành kiểm tra và lập biên bản về việc việc nạo vét, mở rộng ao nước nêu trên.

Đến ngày 01-4-2022, ông Ya L1 được biết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ- XPHC (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký thay) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Việc này là không đúng, bởi vì ông L chỉ nói ông Ya L1 xuống nạo vét, mở rộng ao nước ở thửa đất của ông T1. Ông L không thực hiện hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo như nội dung quyết định xử phạt đã nêu. Do vậy, nay ông L khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC đề ngày 01-4-2022 nêu trên thì ông Ya L1 đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh V trình bày: Ông V là người làm cộng cho ông Nguyễn Ngọc L, vào ngày 02-3- 2022, ông L nói ông V chạy xe tải nhãn hiệu FAW biển số 49C-24231 xuống thửa đất của ông Lê T1 để chở phần đất dư trong quá trình ông Ya L1 là người điều khiển máy múc hiệu Kobelco thực hiện việc nạo vét, mở rộng ao nước trong vườn của ông T1 để đổ lên con đường trong vườn của ông T1. Trong lúc làm việc khoảng 11 giờ cùng ngày, Phòng C- Công an tỉnh L chủ trì, phối hợp với Công an huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ tiến hành kiểm tra và lập biên bản về việc việc nạo vét, mở rộng ao nước nêu trên.

Đến ngày 01-4-2022, ông V được biết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ký thay) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Việc này là không đúng, bởi vì ông L chỉ nói ông V xuống chở đất dư trong quá trình nạo vét, mở rộng ao nước và đổ lên con đường trên đất vườn của ông T1. Ông L không thực hiện hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo như nội dung quyết định xử phạt đã nêu. Do vậy, nay ông L khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC đề ngày 01-4-2022 nêu trên thì ông V đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản".

Hủy Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-11-2022 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu: Bản chất việc làm của ông L là nạo vét đất là để lấp đường, vì đặc thù của địa phương là đất trũng. Về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thì biên bản chưa đúng mẫu theo quy định pháp luật, vì biên bản xử phạt không lập tại địa điểm vi phạm mà lập tại trụ sở Uỷ ban nhân dân cấp xã mà không có lý do. Biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh không đúng quy định pháp luật, nên việc xử lý là chưa đúng. Người khởi kiện đã có đơn đề nghị xem xét lại về mức xử phạt nhưng cơ quan thẩm quyền không giải quyết nên người khởi kiện không thể giải trình được vấn đề này. Biên bản có 04 trang như không được ký giáp lai. Cơ quan có thẩm quyền tính luôn phần đất trên xe ben để xử phạt là không đúng. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì tất cả đều thừa nhận việc múc đất chở đất đi 01km thì bị phát hiện và lập biên bản. Tại bản tường trình ông L thừa nhận đã lấy xe ben và máy múc qua đó để làm đường. Tại bút lục 95 thì ông L thừa nhận hành vi vi phạm và đồng ý xử phạt. Căn cứ luật xử lý vi phạm hành chính, thì Ủy ban nhân dân xã L2 biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L là đúng quy định pháp luật, từ đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 xử phạt hành vi của ông L là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là không đúng. Đề nghị Hội đồng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC ngày 04-3-2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ đối với ông Nguyễn Ngọc L, với hành vi: *"Khai thác khoảng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác là 54 m^3"*, ngày 01-4-2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số 41/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền 50.000.000 đồng; Hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30-6-2022 thể hiện: Vị trí đất liên quan đến Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 60, xã Đ, huyện Đ. Theo sổ mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ được phê duyệt năm 2013 thì thửa đất trên đứng tên ông Trịnh Văn N1. Bản đồ địa chính thể hiện trên thửa đất có 01 ao nước diện tích 393,4m^2, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Ông L trình bày, ông có thuê ông Ya L1 và ông Đỗ Thanh V thực hiện việc nạo vét mở rộng ao đã có sẵn trên đất của ông Lê T1, dùng xe máy đào và ô tô tải đào và chở đất bồi đắp bờ ao đã có sẵn đi vào thửa đất của gia đình ông T1. Mục đích đào đất là mở rộng ao sẵn có để chứa nước tưới cà phê. Trong khi đó, tại Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 25-8-2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ và Văn bản số 458/PTNMT ngày 30-8-2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện C thể hiện nội dung: Vị trí đổ đất san lấp cách vị trí khai thác khoáng sản khoảng 01km theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với ông Nguyễn Ngọc L thuộc một phần thửa đất số 267, 269 tờ bản đồ số 10 (299) thôn M, xã Đ.

Xét, bản tường trình và biên bản ghi lời khai tại Công an huyện Đ, ông Ya L1, ông Đỗ Thanh V và ông Nguyễn Ngọc L đều thừa nhận có hành vi múc nạo vét mở rộng ao cho ông T1, có dùng máy múc và xe ben vận chuyển đất bồi đắp

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

bờ ao đã có sẵn đi trong thửa đất của gia đình ông T1, không có hành vi vận chuyển đất ra khỏi vị trí nạo vét 01km như biên bản lập ngày 02-3-2022.

Biên bản làm việc ngày 02-3-2022 được lập 01 bản duy nhất gồm 04 trang được đánh số thứ tự từ 01 đến 04. Tuy nhiên, các thành phần có mặt khi lập biên bản không ký từng trang mà chỉ ký ở phần trang cuối (trang 04) của biên bản. Sau khi biên bản được lập, trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng các ông L, Lê T1, Ya L1, V đều không thừa nhận có việc chở đất ra khỏi hiện trường nạo vét ao khoảng 01km như trang 01 của biên bản đã lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ban hành Văn bản số 294/TA-HC yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp bổ sung tài liệu, hình ảnh thể hiện hành vi san gạt và vận chuyển đất ra khỏi vị trí san gạt khoảng 01km nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đ không cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, không có căn cứ để cho rằng ông L có hành vi chỉ đạo ông V vận chuyển đất ra khỏi vị trí san gạt khoảng 01km.

[3.3] Ngoài ra, về trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thì theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2014, 2017 và 2020 thì trường hợp của ông L bị xử phạt với mức phạt 50.000.000 đồng thì được quyền giải trình. Tại văn bản số 458/PTNMT ngày 30-8-2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện C trình bày Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không nhận được văn bản giải trình của ông L đối với biên bản vi phạm hành chính số 13/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân xã Đ lập hồi 14h00 ngày 04-3-2022 theo quy định. Tuy nhiên, tại văn bản số 186/UBND-ĐT ngày 15-3-2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện: Ngày 09-3-2022, Ủy ban nhân dân huyện N được đơn của ông L liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản đối với ông. Ngày 29-3-2022, Phòng tài nguyên và môi trường huyện C đã có Báo cáo số 69/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xác minh đơn kiến nghị của ông L có nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B văn bản không chấp nhận nội dung đơn kiến nghị của ông L. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không xem xét ý kiến giải trình của ông L trước khi ra quyết định xử phạt là không đảm bảo về trình tự, thủ tục.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có căn cứ chứng minh ông L có hành vi thuê ông Ya L1 và ông Đỗ Thanh V thực hiện việc nạo vét, vận chuyển đất ra khỏi vị trí nạo vét 01km, bởi nội dung nêu tại biên bản 13/BB-VPHC là căn cứ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 không được người vi phạm ký nhận và ông L, ông Ya L1, ông V cũng không thừa nhận nội dung này (Biên bản chỉ ký trang 4, không ký từng trang). Hơn nữa, phần đất nạo vét là của ông Lê T1, và ông T1 trình bày là liên hệ nhờ ông L thực hiện việc nạo vét để mở rộng ao. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ,

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

đúng quy định pháp luật. Người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 19-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng Luật tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020; Luật khoáng sản năm 2010; Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24-3-2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản".

Hủy Quyết định số 41/QĐ-XPVPHC ngày 01-4-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc L.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012559 cùng ngày 25-11-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (3);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 637/2022/HC-PT Ngày: 17/08/2022 V/v: "*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản*"	

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Đặng Văn Ý

bà Đinh Ngọc Thu Hương.

***- Thư ký phiên toà*:** ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** bà Cao Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 92/2021/TLPT-HC ngày 22/01/2021 về việc: "*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản*";

Do bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1261/2022/QĐ-PT ngày 14/07/2022, giữa các đương sự:

1/Người khởi kiện:

Ông Đồng Chí T , sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T Kh, xã Th M, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi của ông Đồng Chí T :

Luật sư Trần Đình X, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

Địa chỉ: 88 H Th H, phường 1, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (văn bản ủy quyền ghi ngày 07/08/2020):

Ông Lê Quang T, là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt, do đương sự có văn bản ghi ngày 12/08/2022 yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện:

Ông Trần Minh K, là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ông Ng T Ph, sinh năm 1994 (vắng mặt);

3.2/Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

3.3/Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T Kh, xã Th M, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long.

3.4/Ông Hồ Hoàng Th, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Mỹ L, xã Th M, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long.

4/Người kháng cáo:

Ông Đồng Chí T , là người khởi kiện.

5/Người kháng nghị:

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/01/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/02/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T như sau:

Vào ngày 31/10/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC để xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T, số tiền phạt là 100.000.000 đồng.

Vào ngày 05/11/2019 ông T nộp đơn khiếu nại, yêu cầu hủy quyết định nói trên; lý do như sau:

-Ông T và bà Phạm Thị Ngọc T đi mua cát cho Hồ Hoàng Thanh. Khi đang trên đường vận chuyển cát vào ngày 21/08/2019, thì bị Tổ tuần tra bắt giữ và lập biên bản, cho rằng ông T và bà Thu hút cát trái phép. Vì vậy, ông T và bà Thu không đồng ý ký biên bản.

Ông T cho rằng việc làm của các cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh Vĩnh Long không đúng pháp luật, cụ thể như sau:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

-Tổ tuần tra của Công an xã Tích Thiện, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không giao cho người bị lập biên bản 01 bản, là không đúng pháp luật;

-Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 là quá thời hạn luật định (tính từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính đầu tiên là ngày 21/08/2019, đến ngày ra quyết định xử phạt là 71 ngày; nếu tính từ ngày lập biên bản sau cùng là ngày 27/09/2019), thì hời hạn ra quyết định trong trường hợp này cũng là 34 ngày);

Sau khi ông T khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định giải quyết khiếu nại số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020, không chấp nhận khiếu nại của ông T, giữ nguyên quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Vì vậy, ông T khởi kiện, yêu cầu hủy quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và quyết định giải quyết khiếu nại số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 1803/UBND-BTCDNC ngày 21/04/2020 trình bày ý kiến đối với việc khởi kiện của ông Đồng Chí T như sau:

Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 21/08/2019, Tổ công tác của Công an xã Tích Thiện lập biên bản sự việc như sau: khi Tổ tuần tra của Công an xã Tích Thiện kiểm tra hoạt động khai thác cát trên tuyến sông Hậu thuộc thủy phận ấp T Kh, xã Tích Thiện, huyện Tr Ô, phát hiện ghe sắt không số hiệu, có 02 người đang bơm hút cát từ lòng sông lên ghe. Tổ công tác áp sát ghe để kiểm tra thì 02 người đó lái ghe bỏ chạy. Khi Tổ công tác tiếp tục đuổi theo và nổ 02 phát súng cảnh báo, thì ghe dừng lại.

Kết quả kiểm tra xác định rằng 02 người nói trên là ông T và bà Thu cùng ở ấp T Kh, xã Th M, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Tổ công tác yêu cầu ông T và bà Thu lái ghe sắt, cùng số lượng cát đã khai thác, về trụ sở Công an xã Tích Thiện. Đến 01 giờ 10 phút ngày 22/08/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô kết hợp cùng Công an huyện Tr Ô và Công an xã Tích Thiện, lập biên bản với ông T và bà Thu. Tại biên bản đã lập, ông T và bà Thu thừa nhận việc bơm hút cát (từ lòng sông lên ghe) không có giấy phép, vi phạm pháp luật; khối lượng cát sông mà ông T và bà Thu đã khai thác lên ghe, là 53 m^3 cát.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Đến ngày 27/08/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông T về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) để làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, nhưng không có giấy phép khai thác khoáng sản; khối lượng khoáng sản là cát lòng sông, đã khai thác từ 50 m^3 trở lên.

Vào ngày 09/09/2019, Công an huyện Tr Ô ra quyết định số 39/QĐ-CHS, chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính nói trên để truy cứu trách nhiệm hình sự (vì cho rằng có dấu hiệu phạm pháp hình sự).

Sau đó, đến ngày 26/09/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr Ô có quyết định số 17, xác định việc không khởi tố vụ án hình sự; nội dung chính như sau: sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, xét thấy Hồ Hoàng Th là người thuê ông T và bà Thu đi hút cát sông trái phép vào ngày 21/08/2019 nhưng Thanh chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và khối lượng cát khai thác trái phép chưa đủ định lượng để xử lý hình sự; còn ông T và bà Thu, tuy đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên nhưng Tâm và Thu chỉ là người đi làm thuê theo sự chỉ đạo của Hồ Hoàng Th".

Cùng ngày 26/09/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr Ô có văn bản số 17/VKS gửi cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Tr Ô, đồng ý với quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Kết quả điều tra của Công an huyện Tr Ô cũng xác định rằng bà Nguyễn Thị D là chủ ghe vi phạm, cho ông Ng T Ph thuê ghe; ông Hồ Hoàng Th tiếp tục thuê lại từ ông Phát đồng thời thuê ông T và bà Thu đi hút cát trái phép.

Vào ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2775/QĐ- XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông T, hình phạt là phạt tiền 100.000.000 đồng.

Sau đó, ông T khiếu nại quyết định xử phạt; việc khiếu nại là không đúng pháp luật; lý do như sau:

-Việc ông T hút cát trái phép từ lòng sông, đã bị Công an xã Tích Thiện bắt quả tang và lập biên bản xảy ra sự việc ngay trên tàu mà bà Thu và ông T sử dụng để hút cát; ông T và bà Thu thừa nhận hành vi hút cát trái phép từ lòng sông. Vì vậy, việc ông T cho rằng đương sự chỉ vận chuyển cát chứ không phải hút cát trái phép từ lòng sông, là không đúng sự thật;

-Biên bản vi phạm hành chính đã giao cho ông T 01 bản, đúng theo Khoản 3 Điều 58 Luật Xử phạt vi phạm Hành chính năm 2012;

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

-Biên bản ngày 21/08/2019 do Công an xã Tích Thiện lập và biên bản ngày 22/08/2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập, là những biên bản làm việc khi xảy ra sự việc. Sau đó, hành vi vi phạm của ông T mới bị lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 27/08/2019 và chỉ lập một lần, không phải lập nhiều lần như ông T khiếu nại;

-Vào ngày 26/09/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn mới có quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thời gian từ ngày 26/09/2019 đến ngày 31/10/2019 (ngày mà Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính) là 35 ngày. Như vậy, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là đúng theo Khoản 3 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012;

Với những ý kiến nói trên, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ người liên quan là bà Nguyễn Thị D trình bày ý kiến như sau:

Bà Diên là người đứng tên chủ sở hữu ghe sắt theo giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa số 00391/19V65 do Chi Cục Đăng Kiểm số 8 cấp ngày 12/4/2019.

Vào khoảng tháng 08/2019, bà Diên cho ông Ng T Ph thuê ghe sắt. Sau đó, ông Phát nói rằng khai thác ghe sắt không có lợi nhuận, nên cho ông T thuê lại; bà Diên đồng ý.

Bà Diên đã khởi kiện, yêu cầu hủy bỏ một phần quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 và hủy bỏ một phần quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long, trả lại tàu thủy (ghe sắt) và máy thuộc quyền sở hữu của bà Diên; yêu cầu Công an xã Tích Thiện và Công an huyện Tr Ô bồi thường số tiền trục vớt tàu là 43.000.000 đồng trong một vụ án khác. Vì vậy, trong vụ án này, bà Diên không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ng T Ph trình bày ý kiến như sau:

Vào đầu tháng 08/2020, trong thời gian chờ làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, bà Diên cho ông Phát thuê 01 tàu thủy bằng thép, trọng lượng 78 tấn để kinh doanh vận chuyển, giá thuê là 1.000.000 đồng/ngày. Do việc kinh doanh không có lãi, nên ông Phát cho ông Thanh thuê lại với giá 800.000 đồng/ngày.

Sau đó, ông Phát nghe nói rằng vào ngày 21/08/2019, tàu bị Tổ tuần tra của công an xã Tích Thiện, huyện Tr Ô l[illegible]n về việc bơm hút cát trên sông

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

và tạm giữ tàu. Sự việc này không liên quan đến ông Phát nên đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ngọc T trình bày ý kiến như sau:

Bà Thu đồng ý với ý kiến của ông T.

Vào ngày 31/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính bà Thu, số tiền phạt là 100.000.000 đồng và tịch thu tàu thủy bằng thép trọng lượng 78 tấn có động cơ.

Ngày 05/11/2019, bà Thu nộp đơn khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long. Ngày 14/01/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 91/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, giữ nguyên quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019. Bà Thu cho rằng đương sự có nộp đơn khởi kiện việc này bằng vụ án riêng khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hoàng Th trình bày ý kiến như sau:

Vào giữa tháng 08/2019, ông Thanh thuê một tàu thủy bằng thép, trọng lượng 78 tấn của ông Phát để kinh doanh, giá thuê là 800.000 đồng/ngày. Sau đó ông Thanh thuê ông T và bà Thu điều khiển và quản lý tàu khi thực hiện việc mua-bán.

Vào buổi chiều ngày 21/08/2019, ông Thanh nói ông T và bà Thu đi mua cát của các tàu bán cát dạo thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng. Đến khoảng 22 giờ ngày 21/08/2019, trong khi ông T và bà Thu đang vận chuyển cát đến thủy phận ấp T Kh, xã Tích Thiện, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long thì bị Tổ tuần tra của công an xã Tích Thiện bắt giữ. Sau đó, vì cho rằng ông T và bà Thu đang hút, bơm cát từ lòng sông lên tàu, nên Tổ tuần tra lập biên bản; ông T và bà Thu không đồng ý ký biên bản.

Đến 01 giờ 10 phút ngày 22/08/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô đến nơi, lập biên bản về việc này và xác định rằng số cát trên tàu là 53 m^3. Tuy nhiên, việc xác định như vậy là không đúng quy định, không đúng thực tế bởi vì số cát trên tàu chỉ hơn 40 m^3. Ngoài ra, sự việc xảy ra vào lúc 22 giờ 20 phút ngày 21/08/2019 nhưng đến ngày 27/8/2019, công an huyện Tr Ô mới ra quyết định số 01/QĐ- TGTVPTGPCC tạm giữ tang vật, phương tiện. Trong thời gian từ ngày 21/08/2019 đến ngày 27/08/2019, không có quyết định giữ tàu, không giao tàu cho ai quản l[illegible] tàu chìm trong mấy ngày, làm

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

mất đồ đạc trên tàu và ảnh hưởng đến chất lượng, độ bền của tàu. Sau đó, người có trách nhiệm quản lý tàu không chịu trục vớt mà yêu cầu chủ sở hữu trục vớt. Vì vậy, chủ sở hữu (bà Diên) đã thuê người trục vớt tàu, tổng số tiền công là 43.000.000 đồng.

Đến ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2773/QĐ-XPVPHC, xử phạt hành chính 150.000.000 đồng và tịch thu tàu thủy bằng thép (trọng lượng 78 tấn), có động cơ. Ngày 05/11/2019, ông Thanh nộp đơn khiếu nại quyết định xử phạt nói trên. Đến ngày 14/01/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 93/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên quyết định số 2773/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019. Đối với sự việc này, ông Thanh đã có có đơn khởi kiện vụ án hành chính riêng. Vì vậy, ông Thanh không có yêu cầu gì trong vụ án mà ông T đang khởi kiện này.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HCST ngày 21/09/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xét xử như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 38; Điều 79; Điều 116; Điều 125; Điểm c Khoản 1 Điều 143; Điều 146; Khoản 2 Điều 157; Điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 63; Điều 66; Điều 68 Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; Khoản 3 Điều 60; Điểm h Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

-Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T đòi hủy quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/09/2020, người bị kiện là ông Đồng Chí T kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Tại quyết định số 181/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T ; lý do như sau:

-Việc xác định ông T khai thác cát trái phép vào buổi tối ngày 21/08/2019 là có căn cứ, nhưng việc xác định khối lượng cát khai thác trái phép là 53 m^3 là chưa có căn cứ. Theo các tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì chỉ có thể kết luận rằng khối lượng cát mà ông T đã khai thác trái phép, là 45 m^3. Như vậy, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T thuộc về Chủ tịch UBND huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long; không thuộc về Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

-Ông Đồng Chí T là người kháng cáo, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì những lý do sau đây: vào buổi tối ngày 21/08/2019, đương sự đi mua cát của người khác, không phải là khai thác cát trái phép; các biên bản mà cơ quan có thẩm quyền tại huyện Tr Ô thiết lập đều không đúng pháp luật; việc xác định rằng khối lượng cát bị bắt quả tang trên tàu là 53 m^3 là không đúng thực tế;

-Người bảo vệ quyền lợi của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long (người bị kiện) đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

-Bà Nguyễn Thị D và ông Hồ Hoàng Th giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm;

-Những đương sự khác vắng mặt, nhưng cho đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, họ không có văn bản nào để thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm;

Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông Đồng Chí T trình bày ý kiến như sau:

-Các biên bản lập vào ngày 21/08/2019 (của công an xã Tích Thiện), ngày 22/08/2019 (của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô kết hợp với Tổ tuần tra) đều không đúng thủ tục và không giao cho người vi phạm (là ông Đồng Chí T). Trong hai biên bản này, biên bản ngày 21/08/2019 là biên bản vi phạm hành chính;

-Biên bản ngày 27/08/2019 không bảo đảm tính khách quan, không thể xem là biên bản vi phạm hành chính;

-Việc xác định khối lượng cát có trên ghe khi bắt quả tang là 53 m^3, là chưa đúng bởi vì không có căn cứ để xác đị[illegible]ợng cát như vậy.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

-Theo quy định của Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 24/03/2022 (có hiệu lực kể từ ngày 10/05/2022), thì hành vi của ông Đồng Chí T chỉ bị xử phạt với mức phạt tiền ít hơn so với mức phạt mà Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã áp dụng tại quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút lại kháng nghị số 181/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Chí T , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19/05/2022 nhưng phải hoãn phiên tòa vì không có mặt đầy đủ đương sự tham gia tố tụng.

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày hôm nay (17/08/2022). Tại phiên tòa, người kháng cáo có mặt; vắng mặt một số đương sự khác. Như vậy, việc xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành theo luật định.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Ông Đồng Chí T khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 2775/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long và quyết định giải quyết khiếu nại số 92/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

[2.2]Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì có căn cứ kết luận rằng yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T là không có căn cứ pháp luật; lý do như sau:

[2.2.1]Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 21/08/2019, Tổ công tác của Công an xã Tích Thiện, huyện Tr Ô lập biên bản, ghi nhận sự việc như sau: khi Tổ tuần tra của Công an xã Tích Thiện kiểm tra hoạt động khai thác cát trên tuyến sông Hậu thuộc thủy phận ấp T Kh, xã Tích Thiện, huyện Tr Ô, phát hiện ghe sắt không số hiệu, có 02 người đang bơm hút cát từ lòng sông lên ghe. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra ghe, đuổi theo và nổ 02 phát súng cảnh báo, thì ghe mới dừng lại.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[2.2.2]Kết quả kiểm tra đã xác định rằng ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T, là hai người ở trên ghe, đã hút cát, bơm cát từ lòng sông lên ghe. Vì vậy, Tổ công tác yêu cầu ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T lái ghe sắt, cùng số lượng cát đã khai thác, về trụ sở Công an xã Tích Thiện. Đến 01 giờ 10 phút ngày 22/08/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô kết hợp cùng Công an huyện Tr Ô và Công an xã Tích Thiện, lập biên bản với ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T. Tại biên bản đã lập, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T thừa nhận việc bơm hút cát (từ lòng sông lên ghe) không có giấy phép; khối lượng cát sông đã khai thác lên ghe, là 53 m^3 cát.

Sau đó, đến ngày 27/08/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr Ô lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông Đồng Chí T về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) để làm vật liệu xây dựng thông thường, nhưng không có giấy phép khai thác khoáng sản; khối lượng khoáng sản là cát lòng sông, đã khai thác là 53 m^3.

[2.2.3]Tuy nhiên, vào ngày 09/09/2019, Công an huyện Tr Ô ra quyết định số 39/QĐ-CHS, chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính nói trên để truy cứu trách nhiệm hình sự (vì cho rằng có dấu hiệu phạm pháp hình sự).

Nhưng sau đó, đến ngày 26/09/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr Ô ra quyết định số 17, xác định sự việc không khởi tố vụ án hình sự; nội dung chính như sau: sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, xét thấy Hồ Hoàng Th là người thuê ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đi hút cát sông trái phép vào ngày 21/8/2019 nhưng ông Hồ Hoàng Th chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và khối lượng cát khai thác trái phép chưa đủ định lượng để xử lý hình sự; còn ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T, tuy đã bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng hành vi khai thác cát trái phép, nhưng chỉ là người làm thuê cho Hồ Hoàng Th.

Cùng ngày 26/09/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr Ô có văn bản số 17/VKS gửi cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Tr Ô, đồng ý với quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Kết quả điều tra của Công an huyện Tr Ô cũng xác định rằng bà Nguyễn Thị D là chủ ghe vi phạm, cho ông Ng T Ph thuê ghe; ông Hồ Hoàng Th tiếp tục thuê lại từ ông Ng T Ph đồng thời thuê ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đi hút cát trái phép.

[2.2.4]Vào ngày 31/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 2775/QĐ-XPVPHC xử phạt vi ph[illegible] chính trong lĩnh vực tài nguyên

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

nước và khoáng sản đối với ông Đồng Chí T , hình phạt là phạt tiền 100.000.000 đồng; quyết định xử phạt này là đúng pháp luật; lý do như sau:

-Sự việc ông Đồng Chí T hút cát trái phép từ lòng sông, đã bị Công an xã Tích Thiện bắt quả tang và lập biên bản xảy ra sự việc ngay tại tàu mà đương sự sử dụng để hút cát; các đương sự đã thừa nhận hành vi hút cát trái phép từ lòng sông;

-Biên bản vi phạm hành chính đã giao cho ông Đồng Chí T 01 bản, theo quy định của Luật Xử phạt vi phạm Hành chính năm 2012;

-Biên bản ngày 21/08/2019 do Công an xã Tích Thiện lập và biên bản ngày 22/08/2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập, là những biên bản làm việc khi xảy ra sự việc. Sau đó, hành vi vi phạm của ông T mới bị lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 27/08/2019 và chỉ lập một lần, không phải lập nhiều lần như ông Đồng Chí T khiếu nại;

-Vào ngày 26/09/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn mới có quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thời gian từ ngày 26/09/2019 đến ngày 31/10/2019 (ngày mà Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính) là 35 ngày. Như vậy, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là đúng theo Khoản 3 Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012.

-Việc ông Đồng Chí T không thừa nhận đã bơm hút cát 53 m^3 là không có căn cứ, bởi vì biên bản sự việc ngày 21/8/2019 (bút lục 179) đã xác định hành vi của ông Đồng Chí T , khi bị bắt quả tang, đang hút cát với khối lượng khoảng 53 m^3; đương sự cũng thừa nhận khi lập biên bản xảy ra sự việc ngày 21/8/2019. Sau khi bị lập biên bản về hành vi khai thác cát trái phép, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T cam kết neo đậu ghe trước Trường trung học cơ sở xã Tích Thiện, tự bảo quản phương tiện, tài sản trên ghe để chờ kết quả giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền và phải chịu sự giám sát của Công an xã Tích Thiện (bút lục 208-209). Tuy nhiên, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đã không quản lý, bảo quản ghe, để ghe bị nghiêng, xảy ra việc chìm ghe (sau đó, ghe mới trục vớt lên).

[3]Như vậy, với những tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án phân tích nói trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Chí T , là có căn cứ pháp luật.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Ông Đồng Chí T kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 218; Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 181/QĐ-VKS-HC ngày 05/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long vì đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút lại kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

2/Không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Chí T ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

3/Về án phí phúc thẩm: ông Đồng Chí T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003166 ngày 01/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long; ông Đồng Chí T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 278/2023/HC-PT Ngày 26 tháng 4 năm 2023 V/v *"Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản"*	

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 688/2022/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2022 *"Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản"*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 309/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trà Văn G, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Đường H, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C (Giấy ủy quyền ngày 27/02/2023)

Ông Võ Minh T, sinh năm 1962 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thành phố B, tỉnh B (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/12/2022)

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Địa chỉ: Số 05, đường N, Phường 1, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trà Văn C, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh B (vắng mặt).

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Trụ sở chính: Tòa nhà S, số 111A P, phường B, Quận 1, thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q– Chi nhánh C – Phòng giao dịch C, số 19-21, Trần Văn K, phường C, quận N, thành phố C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thanh T, ông Ngô Thanh V, ông Phạm Hoàng G đều là cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2022)(Ông V, ông T, ông G vắng mặt)

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Trà Văn G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trà Văn G trình bày (Bút lục 19-20, 38-42):

Gia đình ông Thái Văn M (ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B) có khu vườn tạp, trồng nhiều cây lâu năm, rễ cây làm nhiều ổ mọi, rịnh nước vào ruộng lúa làm ngập chết lúa, cây mọc um tùm, phát sinh chuột cắn phá các loại hoa màu và lúa nên ông M thuê xe cuốc của ông để san lấp vườn tạp, cải tạo đất bờ ruộng. Trong quá trình cải tạo vườn tạp, có dư một phần đất vụn bờ bao, không chỗ để nên ông M cho ông thuê xe cuốc, sà lan chở đi nơi khác để san lấp mặt bằng cho người dân kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải cuộc sống gia đình trong thời gian ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

Trong khi xe cuốc của ông đang cải tạo khu vườn cho gia đình ông M, khoảng 10 giờ ngày 07/11/2021, đoàn cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B đã kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ các phương tiện của ông thuê mướn gồm: 02 xe cuốc, 01xe tải, 02 sà lan và 01 ghe gỗ. Lý do vi phạm hành chính là ông có hành vi khai thác khoáng sản (lấy đất bờ ruộng lúa cặp bờ kênh vận chuyển ra bãi tập kết dùng xe chuyển đi san lấp mặt bằng) không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 xử phạt ông về hành vi khai thác khoáng sản (đất) làm vật liệu xây dựng thông T1 không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm là 127,85m^2, vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ; hình phạt chính 45.000.000 đồng; hình phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ 127,85m^3 khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền 12.785.000 đồng, tịch thu phương tiện 01 ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74 và 01 sà lan số hiệu BL-9007 (đã qua sử dụng), buộc nộp khoản tiền tương đương giá trị các phương tiện vi phạm (01 xe cuốc loại xe UH045, 01xe cuốc loại xe UH03, 01 sà lan không có đăng ký số hiệu, 01ghe gỗ) là 472.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông thực hiện giải pháp cải tạo khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ông G cho rằng, việc ông M cho ông phần đất vụn bờ bao không có chỗ để và ông thuê xe cuốc, sà lan chở đi nơi khác san lấp mặt bằng cho người dân hoàn toàn không ảnh hưởng, không vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo quy định pháp luật. Hành vi của ông chỉ mới lần đầu nên nhắc nhở, nếu sau cố tình thì xử phạt tiền và tịch thu phương tiện. Nay, ông yêu cầu Tòa án xem xét hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày ý kiến tại văn bản số 1169/UBND-NC ngày 15/4/2022 (Bút lục số 303 - 304):

Ngày 07/11/2021, tại ấp B, xã V, huyện P và ấp Phước Thạnh, xã P, huyện P, tỉnh B, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B phát hiện quả tang ông Trà Văn G thuê một số người khai thác đất bờ ruộng lúa cập bờ kênh vận chuyển ra bãi tập kết, bán lại cho các hộ dân san lấp mặt bằng. Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trà Văn G và tạm giữ 06 phương tiện vi phạm hành chính gồm 01 xe ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74, 01 xe cuốc loại xe UH03, 01 xe cuốc loại xe UH045, 01 sà lan số hiệu BL -9007, 01 sà lan không có đăng ký số hiệu và 01 ghe gỗ không có đăng ký số hiệu.

Qua làm việc, ông Trà Văn G thừa nhận hành vi khai thác đất bờ ruộng lúa cặp bờ kênh vận chuyển ra bãi tập kết, bán lại cho các hộ dân làm vật liệu xây dựng thông T1 (không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền và không xuất trình được các loại giấy tờ chứng minh sở hữu các phương tiện. Kết quả xác minh: 01 xe ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74 và 01 sà lan số hiệu BL -9007 thuộc sở hữu của ông Trà Văn G; 02 xe cuốc, 01 sà lan, 01ghe gỗ (không đăng ký, đăng kiểm, không biển số) do Ông G thuê của các ông Nguyễn

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Văn Mạnh (Địa chỉ: 163A, đường Lý T1 Kiệt, Khóm 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), ông Nguyễn Duy Tuấn (Địa chỉ: Số 222, đường Lý T1 Kiệt, Khóm 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), ông Trà Văn C (anh ruột của Ông G, địa chỉ: Ấp Long Hải, thị trấn Phước Long, huyện P, tỉnh B) và ông Nguyễn Văn T1 (Địa chỉ: Khóm Tân Quới, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng).

Hành vi tổ chức sử dụng 06 phương tiện khai thác khoáng sản (đất) trái phép của ông Trà Văn G vi phạm điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ nên việc xử phạt là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, ngoài hình thức xử phạt chính phạt tiền 45.000.000 đồng, ông Trà Văn G còn phải chịu hình thức phạt bổ sung: tịch thu toàn bộ 127,85m^3 khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền 12.785.000 đồng và tịch thu phương tiện vi phạm hành chính, cụ thể: Đối với 01 xe ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74 và 01 sà lan số hiệu BL -9007 thuộc sở hữu của ông Trà Văn G nên áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu phương tiện. Đối với các phương tiện còn lại không phải tài sản thuộc sở hữu của Ông G, Ông G thuê mướn của người khác, sử dụng trái phép vào hành vi khai thác khoáng sản nên buộc Ông G phải nộp khoản tiền tương đương giá trị phương tiện vi phạm vào ngân sách Nhà nước để nhận lại các phương tiện trả cho chủ sở hữu hợp pháp (theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính). Như vậy, Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản đối với ông Trà Văn G là đúng quy định. Việc Ông G yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 là không có cơ sở.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 374 - 375) cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn C trình bày:

Ngày 06/6/2019 (âl) tại nhà Ông G, ông và Ông G có thỏa thuận mua bán 01 sà lan số hiệu BL-9007, hiệu CUMMINS, số máy 34573039, Ông G bán chiếc sà lan và máy đã qua sử dụng với giá 320.000.000 đồng, khi giao dịch không làm giấy tờ mà chỉ cha mẹ, anh chị em trong nhà chứng kiến, ông cũng giao đủ tiền cho Ông G. Sau khi mua, Ông G giao sà lan cho ông sử dụng, nhưng ông chưa làm thủ tục chuyển tên trong giấy chứng nhận đăng ký sở hữu mà hiện nay vẫn do Ông G đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký đối với chiếc sà lan nêu trên. Ông sử dụng được 02 đến 03 tháng thì ông có thay đổi máy mới do máy cũ nhỏ, chạy yếu nên hiện nay máy của sà lan không còn là máy CUMMINS, số máy 34573039. Ông đã bán máy do Ông G đứng tên chủ sở hữu cho một người ở Vĩnh Long không nhớ họ tên với giá 70.000.000 đồng và mua máy mới giá hơn 120.000.000 đồng, ông không nhớ số máy mới nhưng vẫn là máy CUMMINS. Khi xảy ra dịch Covid-19, ông không đi chở

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

hàng được nên cho Ông G thuê lại để sử dụng với giá 12.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian cho thuê, khi cho thuê cũng không lập thành văn bản, cũng không ai chứng kiến.

Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì Ông G bị tịch thu phương tiện vi phạm trong đó có sà lan mà ông mua của Ông G, sau đó cho Ông G thuê lại thì hiện nay ông không yêu cầu gì, ông và Ông G tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì ông và Ông G yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án độc lập khác. Tuy nhiên, ngày 07/7/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông C có yêu cầu Tòa án xem xét trả lại chiếc sà lan lại cho ông vì Ông G đã bán cho ông vào ngày 06/6/2019.

Ông Ngô Thanh Vũ là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam trình bày:

Đối với 01 xe ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74, đã qua sử dụng Ông G đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp số 5932864.20 ngày 24/9/2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 28/9/2020. Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử phạt vi phạm hành chính đối với Ông G có liên quan đến việc tịch thu tài sản 01 xe ô tô tải do Ông G đứng tên chủ sở hữu nhằm đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trà Văn Ghi trình bày ý kiến tranh luận: Hành vi của Ông G không lấy đất mặt màu mỡ mà chỉ cải tạo kênh mương mang lại lợi ích cho người dân nên không thể xử phạt về hành vi khai thác khoáng sản. Tại Công văn số 2418 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu không nêu rõ khai thác khoáng sản chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cụ thể như thế nào, chỉ nêu việc khai thác khoáng sản là sai, cần chấn chỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có thể áp dụng các biện pháp khác, không xử phạt số tiền quá lớn, vừa mang tính giáo dục vừa đảm bảo tránh khai thác khoáng sản trái phép. Hành vi của Ông G là lần đầu chỉ cần nhắc nhở, sau đó nếu cố tình thì xử phạt tiền và tịch thu phương tiện, chỉ mới lần đầu nhưng tịch thu phương tiện dẫn đến Ông G gặp khó khăn nộp phạt các khoản tiền, có thể dẫn đến phá sản doanh nghiệp. Về biện pháp khắc phục hậu quả là không phù hợp, không khả thi thực hiện trong thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử xử hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử phạt vi phạm hành chính đối với Ông G.

Tại Bản án số 21/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 3 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án;

- Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn G về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2022, người khởi kiện ông Trà Văn G có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phan Hoàng B và ông Võ Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Trà Văn G.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Trà Văn G, giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Người khởi kiện ông Trà Văn G yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính, Quyết định hành chính trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính thì thời hiệu khởi kiện của Trà Văn G đối với quyết định hành chính nêu trên vẫn còn trong hạn luật định.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính :

Cơ quan hành chính nhà nước xác định: Hành vi của ông Trà Văn G vi phạm vào điểm e khoản 1 Điều 47 của Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản với khung xử phạt "Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50m3 trở lên". Theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của ông Trà Văn G. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trà Văn G là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn ban hành Quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản. Đối với vụ việc thuộc trường đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp mà cần có thêm thời gian để xác minh thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn, việc gia hạn phải bằng văn bản, thời gian gia hạn không được quá 30 ngày. Ngày 08/11/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi của ông Trà Văn G . Đến ngày 21/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC xử phạt hành vi vi phạm trên của ông Trà Văn G là 01 tháng 13 ngày. Do vụ việc vi phạm của ông Trà Văn G thuộc trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ như xác minh chủ sở hữu phương tiện vi phạm, tiến hành định giá phương tiện vi phạm. Do đó, ngày 06/12/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B đã có văn bản xin gia hạn giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nêu trên và được ban Giám đốc Công an tỉnh B chấp nhận. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 21/12/2021 là vẫn còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 67, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[4.2] Về nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 07/11/2021, tại thửa đất của ông Thái Văn M (địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B), lực lượng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh B phát hiện quả tang hoạt động khai thác khoáng sản (đất bờ ruộng lúa cập bờ K), tại hiện trường khai thác, anh Phạm Văn T điều khiển xe cuốc đang cuốc đất bỏ xuống sà lan BL-9007 do anh Lâm X điều khiển sà lan (sà lan có dòng chữ VLXD N). Khối lượng đất bị khai thác lấy đi tại hiện trường khai thác được cán bộ địa chính xã Phú Tây đo vẽ, tính toán, xác định là 553,2m3. Cùng ngày, tại địa chỉ ấp P, xã P, huyện P, tỉnh B phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản (múc đất từ bãi tập kết khoáng sản), kiểm tra tại bãi chứa khoáng sản phát hiện ông Ngô Văn C đang điều khiển xe cuốc HITACHI UH045 đang múc đất đổ lên xe ô tô tải biển số 94C-057.74 do ông Nguyễn Văn T điều khiển (xe ô tô tải có dòng chữ VLXD N); 01 sà lan do ông Nguyễn Văn T1 và 01 ghe gỗ do ông Lý T điều khiển đang cập bến để chuẩn bị múc đất lên bãi chứa.

Qua làm việc với Phạm Văn T, Lâm X, Ngô Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Lý T khai nhận đang khai thác, vận chuyển đến bãi tập kết (ngang Thánh Thất N) để đưa lên bãi và đưa lên xe tải vận chuyển đất đi để san lấp mặt bằng và khai nhận do ông Trà Văn G chủ vật liệu xây dựng N là người trực tiếp tổ chức, thuê thực hiện các hoạt động khai thác đất. Lực lượng Cảnh sát Môi trường phối hợp Công an huyện P, Công an xã V, xã P và đại diện chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản ghi nhận toàn bộ vụ việc, tạm giữ tang vật, phương tiện và giấy phép, chứng chỉ hành nghề để làm căn cứ xử lý vụ việc.

Phòng Cảnh sát Môi trường tiến hành làm việc với ông Trà Văn G, qua đó, Ông G thừa nhận hành vi tổ chức khai thác khoáng sản (đất) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Qua làm việc với ông Phạm Văn T xác định có thỏa thuận mua bán phần đất bờ ruộng lúa với 03 hộ dân để Ông G tổ chức khai thác khoáng sản (đất) vận chuyển về bãi tập kết tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh B. Ông T đã thỏa thuận ông Thái Văn M bán phần đất bờ ruộng lúa với giá 500.000 đồng, ông Danh K bán với giá 1.300.000 đồng, bà Trần Kim N bán với giá 5.500.000 đồng. Theo Ông G xác định có bán đất san lấp mặt bằng cho bà Nguyễn Thị Hồng T để san lấp mặt bằng. Kết quả xác minh bà Nguyễn Thị Hồng T có mua đất của Ông G để san lấp mặt bằng với số lượng là 16m^3, giá 100.000đ/m^3, tổng số tiền bà T trả cho Ông G là 1.600.000 đồng. Qua trình thu thập chứng cứ, định giá đã xác định ông Trà Văn G có hành vi vi phạm khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông T1 không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

thẩm quyền. Tại thời điểm phát hiện vụ việc vi phạm khối lượng khoáng sản (đất) do ông Trà Văn G tổ chức khai thác là 127,85m^3.

Tại biên bản vi phạm hành chính số 25/BB-VPHC ngày 08/11/2021 và các biên bản làm việc, ông Trà Văn G thừa nhận có hành vi múc đất bờ ruộng của ông M đem đi san lấp mặt bằng cho các hộ dân khác nhưng ông cho rằng hành vi của ông là không vi phạm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo quy định pháp luật. Trong thời hạn giải trình theo biên bản vi phạm hành chính Ông G cũng không giải trình, thể hiện sự thừa nhận hành vi vi phạm hành chính của ông. Xét thấy: Theo Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định "Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ" và tại khoản 1 Điều 64 vật liệu xây dựng thông T1 gồm: "Đất sét làm gạch, ngói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, các loại sét (trừ sét bentonit, sét kaolin) không đủ tiêu chuẩn sản xuất gốm xây dựng, vật liệu chịu lửa samot, xi măng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam". Đồng thời, tại Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án và Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch dùng san lấp cũng xác định "đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông T1 (dùng cho mục đích san lấp)". Do đó, có đủ căn cứ xác định đất là khoáng sản. Do hành vi của Ông G đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 xử phạt ông Trà Văn G hình phạt chính số tiền 45.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ.

Theo khoản 4 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định: "Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này", nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định tịch thu toàn bộ 127,85m^3

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

khoáng sản (đất) được quy đổi bằng tiền là 12.785.000 đồng và tịch thu các phương tiện vi phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 xe ô tô tải tự đổ biển số 94C-057.74, đã qua sử dụng; 01 sà lan số hiệu BL-9007, đã qua sử dụng. Tại thời điểm vi phạm, các phương tiện nêu trên do ông Trà Văn G đứng tên chủ sở hữu nên bị tịch thu là đúng theo quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 4 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính Phủ.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh B hành các quyết định trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông G về việc hủy quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ. Xét kháng cáo của Ông G không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Ông Trà Văn G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trà Văn G, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 21/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 3 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án;

- Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn G về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 1922/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trà Văn G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Trà Văn G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 16/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B được chuyển thu án phí.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trà Văn G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000228 ngày 13/9/2022 của Cục Thi hành án tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 589/2022/HC-PT
Ngày 04 tháng 8 năm 2022
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản".

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 7 và ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 95/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 01 năm 2021 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1035/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1994, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đồng Chí T, sinh năm 1989 (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020), có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp TK, xã TM, huyện Tr, tỉnh V.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Địa chỉ: Số 88 đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh V.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Lê Quang T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Trần Minh K – Phó Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh V, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1994, vắng mặt.

3.2. Ông Đồng Chí T, sinh năm 1989 (chồng của bà Phạm Thị Ngọc T), có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp TK, xã TM, huyện Tr,tỉnh V.

3.4. Ông Hồ Hoàng T, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Ấp ML, xã TM, huyện Tr,tỉnh V.

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 (chồng bà Nguyễn Thị D), vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp TK, xã TM, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp TK, xã TM, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2020).

3.6. Công an huyện Tr,tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của Công an huyện Tr: Ông Nguyễn Việt Phương, Phó Đội trưởng, Đội CSĐTTP về KT và MT (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2022), có mặt.

3.7. Công an xã TT, huyện Tr.

Người đại diện hợp pháp của Công an xã TT, huyện Tr: Ông Đặng Văn M - Trưởng Công an xã TT, có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Phạm Thị Ngọc T - Là người khởi kiện.

4.2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/02/2020 bà Phạm Thị Ngọc T trình bày: Ngày 21/8/2019 bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T (chồng bà Phạm Thị Ngọc T) đi mua cát thuê cho anh Hồ Hoàng T và đang trên đường vận chuyển thì bị Tổ tuần tra đuổi

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

theo bắt giữ và lập biên bản cho rằng bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T đang khai thác cát trái phép từ lòng sông nên bà Phạm Thị Ngọc T và ông Đồng Chí T không chịu ký vào biên bản. Sau đó Tổ tuần tra Công an xã TT, huyện Tr,tỉnh V lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không giao cho bà Phạm Thị Ngọc T.

Ngày 31/10/2019 Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 xử phạt bà Phạm Thị Ngọc T số tiền 100.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản. Ngày 05/11/2019, bà Phạm Thị Ngọc T nộp đơn khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số: 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V. Ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 91/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Bà Phạm Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh V và Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBNDtỉnh V.

- Tại Văn bản số 1273/UBND-BTCDNC ngày 23/3/2020 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V có ý kiến: Vào lúc 22 giờ 30 phút, ngày 21/8/2019 ghi nhận: Tổ tuần tra Công an xã TT tiến hành kiểm tra hoạt động khai thác cát trên tuyến sông Hậu thuộc thủy phận ấp TK, xã TT, huyện Tr thì phát hiện ghe sắt không số hiệu đang bơm hút cát từ lòng sông lên ghe, Tổ công tác áp sát để kiểm tra thì các đối tượng điều khiển phương tiện bỏ chạy, Tổ công tác tiếp tục đuổi theo và nổ 02 phát súng cảnh báo thì phương tiện dừng lại. Tiến hành kiểm tra được biết ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T cùng cư ngụ ấp TK, xã TM, huyện Tr, tỉnh V. Tổ công tác yêu cầu ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T điều khiển phương tiện ghe sắt cùng số lượng cát đã khai thác về trụ sở Công an xã TT để làm việc.

Đến 01 giờ 10 phút, ngày 22/8/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr kết hợp cùng Công an huyện Tr và Công an xã TT lập biên bản làm việc với ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T, biên bản ghi nhận: Qua làm việc ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T thừa nhận hành vi bơm hút cát từ lòng sông lên ghe không có giấy phép là vi phạm pháp luật, khối lượng khoáng sản cát sông mà ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đã khai thác lên ghe là 53m^3 cát.

Ngày 27/8/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr lập Biên bản vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC đối với bà Phạm Thị Ngọc T về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, khối lượng khoáng sản là cát lòng sông đã khai thác từ 50 m^3 trở lên.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

Ngày 09/9/2019, Công an huyện Tr ban hành Quyết định số 39/QĐ-CHS chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với vụ việc như đã nêu trên. Ngày 26/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr có Quyết định số 17 Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Vì vậy ngày 31/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và kháng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T với hình thức: Phạt tiền với mức phạt là 100.000.000 đồng.

Việc bà Phạm Thị Ngọc T hút cát trái phép từ lòng sông đã bị Công an xã TT bắt quả tang và lập biên bản xảy ra sự việc ngay trên tàu mà bà Phạm Thị Ngọc T sử dụng để hút cát; qua kết quả đều tra của Công an huyện Tr thì bà Phạm Thị Ngọc T đã thừa nhận hành vi hút cát trái phép từ lòng sông; Biên bản vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị Ngọc T ghi nhận đã trao cho người vi phạm một bản, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012. Biên bản ngày 21/8/2019 do Công an xã TT và Biên bản ngày 22/8/2019 do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập đối với bà Phạm Thị Ngọc T là các biên bản làm việc khi có xảy ra sự việc; qua kết quả làm việc và điều tra của các ngành chức năng thì hành vi vi phạm của bà Phạm Thị Ngọc T mới bị lập biên bản vi phạm hành chính và chỉ lập một lần đúng theo quy định, chứ không phải lập nhiều lần như nhận định của bà Phạm Thị Ngọc T.

Thời gian từ ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr có quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc này (ngày 26/29/2019) đến ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối bà Phạm Thị Ngọc T (ngày 31/810/2019) là 35 ngày. Như vậy, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 63, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 vì đây là vụ việc phức tạp, có liên quan đến nhiều người, các cơ quan chức năng cần thời gian để xác minh thêm.

Vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên nước và khoáng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T là đúng trình tự, thủ tục, thời gian và hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Từ những cơ sở trên, căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 giải quyết: Không chấp nhận việc bà Phạm Thị Ngọc T khiếu nại yêu cầy hủy Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D, Đồng Chí T, Hồ Hoàng T không có ý kiến.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an huyện Tr có ông Lê Quốc V đại diện có ý kiến:* Hành vi khai thác cát trái phép của bà Phạm Thị Ngọc T là vi phạm phạm pháp luật. Cơ quan Công an đã cung cấp đầy đủ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an xã TT có ông Đặng Văn M đại diện trình bày:* Thống nhất với quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC, ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên nước và khoáng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T và Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 giải quyết khiếu nại. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dântỉnh V đã quyết định:

Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 79, 115, 116, Điều 157, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; các Điều 6, 26, khoản 3 Điều 38, 54, 57, 58, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; tại khoản 1 Điều 21, Điều 30, 31, 32, khoản 2 Điều 33 Luật khiếu nại năm 2011; điểm h, khoản 1 Điều 44, điểm b, d khoản 3 Điều 60; khoản 1 Điều 65 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T về việc hủy các quyết định: Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/9/2020 người khởi kiện Phạm Thị Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản và hủy Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T vì bà Phạm Thị Ngọc T không có khai thác cát trái phép; biên bản vi phạm lần đầu tiên lập tại Ủy ban xã TT bà Phạm Thị Ngọc T không đồng ý ký tên; việc xác định khối lượng cát 53m^3 là không khách quan.

- Ngày 13/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 190/QĐ-VKS-HC đối với bản án sơ thẩm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T, hủy Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

khoáng sản và hủy Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Người khởi kiện Phạm Thị Ngọc T có ông Đồng Chí T đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T, hủy quyết định Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản và hủy Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T.

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T. Đề nghị bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an huyện Tr có ông Nguyễn Việt P đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an xã TT có ông Đặng Văn M đại diện đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 229 Luật tố tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị Ngọc T; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long làm trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dântỉnh V. Nên đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 229 Luật tố tụng hành chính.

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

[3] Người khởi kiện bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu hủy các Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T. Tòa án sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, 32 khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của quyết định xử phạt hành chính bị khiếu kiện: [4.1]

Quyết định số 2774/QĐ- XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước và khoáng sản không có giấy phép đối với bà Phạm Thị Ngọc T là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38, Điều 54 Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012; khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017 ngày 18/08/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 21, Điều 27, 28, 30, 31, 32, khoản 2 Điều 33 Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2] Về căn cứ ban hành Quyết định bị khiếu kiện:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 21/8/2019 Tổ tuần tra của Công an xã TT, huyện Tr,tỉnh V tiến hành kiểm tra hoạt động khai thác cát trên tuyến sông Hậu thuộc thủy phận ấp TK, xã TT, huyện Tr thì phát hiện ghe sắt không số hiệu đang bơm hút cát từ lòng sông lên ghe. Tiến hành kiểm tra thì các đối tượng điều khiển phương tiện ghe sắt bỏ chạy, Tổ công tác tiếp tục đuổi theo và nổ 02 phát súng cảnh báo thì người điều khiển cho phương tiện dừng lại. Khi kiểm tra xác định ông Đồng Chí T, bà Phạm Thị Ngọc T cư ngụ ấp TK, xã TM, huyện Tr,tỉnh V là người điều khiển phương tiện nên tổ công tác yêu cầu ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T điều khiển phương tiện ghe sắt cùng số lượng cát đã khai thác về trụ sở Công an xã TT để làm việc. Đến 01 giờ 10 phút, ngày 22/8/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr kết hợp cùng Công an huyện Tr và Công an xã TT lập biên bản, ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T thừa nhận có hành vi bơm hút cát từ lòng sông lên ghe không có giấy phép là vi phạm pháp luật, khối lượng khoáng sản cát sông trên ghe mà ông Đồng Chí T và bà Phạm Thị Ngọc T đã khai thác là 53 m^3 cát.

Đến ngày 27/8/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr lập biên bản vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC đối với bà Phạm Thị Ngọc T về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với khối lượng khoáng sản là cát lòng sông đã khai thác từ 50m^3 trở lên.

Ngày 09/9/2019, Công an huyện Tr ban hành Quyết định số 39/QĐ-CHS chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với vụ việc như đã nêu trên. Ngày 26/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Vì vậy, ngày 31/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và kháng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T với hình thức: Phạt tiền với mức phạt là 100.000.000 đồng. Không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nên bà Phạm Thị Ngọc T khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành quyết định bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đồng Chí T đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc T giữ nguyên kháng cáo cho rằng bà Phạm Thị Ngọc T không có khai thác cát mà đi chở cát thuê về thì bị Công an đuổi theo và kêu đem ghe về xã, do không đồng ý nên bà Phạm Thị Ngọc T không có ký tên. Tuy nhiên tại bảng tự khai ngày 22/8/2019 (Bút lục số 56) bà Phạm Thị Ngọc T thừa nhận: *"Tôi có cùng với chồng là Đồng Chí T khai thác cát vào ngày 21/8/2019 tại đầu cồn TK thuộc thủy phận ấp TK xã TT…khi cát đã đầy khoang, chúng tôi nhổ neo và kéo ống hút lên rồi nổ máy chạy đi thì bị lực lượng Công an đuổi bắt mời về trụ sở Công an làm việc và kiểm tra khối lượng cát đã hút trái phép là 53m^3".*

Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, người liên quan ông Hồ Hoàng T thừa nhận có viết hộ bà Phạm Thị Ngọc T bản tự khai đúng với ý kiến của bà. Ngoài ra, tại các biên bản ghi lời khai tại Công an huyện Tr (Bút lục số 59 đến 68) bà Phạm Thị Ngọc T khai do Hồ Hoàng T thuê bà Phạm Thị Ngọc T và chồng là ông Đồng Chí T khai thác cát không phép tại đầu cồn TK thuộc thủy phận ấp TK, xã TT phù hợp với lời khai của ông Đồng Chí T và ông Hồ Hoàng T tại các biên bản vi phạm hành chính. Do đó xét lời nại ra của bà Phạm Thị Ngọc T là chưa có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh V xác định khối lượng cát do bà khai thác là 53m^3 là chưa khách quan, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi tổ tuần tra yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc T điều khiển phương tiện ghe sắt cùng số lượng cát đã khai thác về trụ sở Công an xã TT để làm việc và tổ tuần tra đã tiến hành đo và xác định khối lượng cát do bà Phạm Thị Ngọc T đã có hành vi khai thác 53m^3 cát; tại biên bản làm việc ngày 22/8/2019 (Bút lục số 220) bà Phạm Thị Ngọc T và và chồng là ông Đồng Chí T thừa nhận hành vi bơm hút cát sông không có giấy phép là vi phạm pháp luật, khối lượng cát đã khai thác là 53m^3. Sau đó phương tiện chở cát bị chìm nên cơ quan chuyên môn không thẩm định được khối lượng cát thu giữ thực tế. Tuy nhiên, tại Biên bản vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC Ngày 27/8/2019 (Bút lục 165-166) của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tr đã lập biên bản về việc bà Phạm Thị Ngọc T có hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, khối lượng khoáng sản là cát lòng sông đã khai thác từ 53m^3 bà Phạm Thị Ngọc T đã đồng ý ký tên. Sau đó bà Phạm Thị Ngọc T cũng không có khiếu nại về việc xác định khối lượng cát.

Tại Kết luận số 345/CCVL ngày 17/9/2020 (Bút lục số 340) của Chi cục Đăng kiểm Vĩnh Long đã kết luận: Trọng tải hàn hóa: 77 tấn; Trọng tải toàn phần: 78 tấn; thể tích khoang hàng phương tiện chở quá mức nước án toàn cho phép là 42,3m^3 thể tích thanh quây hầm hàng là 17,85m3.Vậy tổng thể tích phương tiện chứa là 60,15m^3. Như vậy việc xác định bà Phạm Thị Ngọc T có hành vi vi phạm do bơm hút cát sông không có giấy phép với khối lượng cát đã khai thác là 53m^3 là có cơ sở. Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và kháng sản đối với bà Phạm Thị Ngọc T với hình thức phạt tiền với mức phạt là 100.000.000 đồng là đúng tại điểm h khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017-NĐ-CP Ngày 03/4/2017 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Bà Phạm Thị Ngọc T không đồng ý với quyết định số 2774/QĐ- XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính và đã khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dântỉnh V ban hành quyết định số: 91/QĐ-UBND Ngày 14/01/2020 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T giữ nguyên Quyết định số 2774/QQĐ- XPVPHC là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Ngọc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc T về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2774/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Ngọc T.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số 0003168 ngày 05/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Phạm Thị Ngọc T đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

LUẬT SƯ FDVN
web: fdvn.vn - fdvnlawfirm.vn